

LÝ VĂN SÂM

SAU
DÂY

TRƯỜNG-SƠN



NHỮNG TÁC-PHẨM MỚI

Sau Dãy Trường-Sơn

Lý Văn Sâm

Nhà xuất-bản Nam-Việt

151, dai-lô la Somme-SAIGON

Số trang: 122

In xong ngày: 25-08-1949

Giấy phép số 1088/T.X.B., ngày 28-07-1949



Thực hiện ebook

→ Đánh máy: Maylangthang

→ Soát lỗi: Bouillard

Ebook này được thực hiện theo dự án “SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG” của diễn đàn TVE-4U.ORG

PHẦN THỨ NHẤT

Chiếc đồng-hồ treo trên vách rè-rè như một bình-nhơn lên cơn siêng, rồi thong-thả điểm mười một tiếng. Những tiếng tíc-tắc quen thuộc lại nhịp đều-đều sau lúc đó, nghe buồn-buồn như tiếng giày của một khách lữ-hành trên đường thiên-lý. Ngoài đường bóng cây thâu hẹp lại. Ánh nắng cay-cay như trộn mùi ớt hiểm. Bụi dăng trên các nẻo đường bóng loáng như có một lớp nước mỏng trắng lên.

Phú đẩy cửa bước vội vào nhà, gọi vợ:

- Mình ơi!

Chị Phú “dạ” một tiếng rồi tất-tả từ dưới bếp chạy lên nhà trên.

Phú cởi áo ngoài mặc lên “sùng nai” hỏi tiếp:

- Thằng Quý đâu?

- Nó chưa về, mình à!

Phú chắc lưỡi, giọng hờn dỗi:

- Học với hành! Ham học lắm, có bữa chết!

Chị Phú vừa lau tay vừa nói:

- Ở trường cũng có hầm núp, không sao đâu. Ráng cho con nó học gấp trong sáu tháng đặng đi kiếm chỗ làm với người ta...

Phú phì cười, mai-mĩa:

- Quân Nhật sẽ bại trận nay mai. Học tiếng Nhật để làm gì?

Chị Phú nghi-ngờ:

- Sao mình biết?

- Sao lại không. Các đảo quan-trọng ở Thái-bình-Dương lần-lượt bị quân Đồng-Minh chiếm hết. Hiện nay quân Nhật chỉ có đờng lụi, chớ không có đờng tiến nữa. Những hiểm-cứ ở Miến-điện đều lọt vào tay quân Anh. Trên bộ như dưới biển, quân đội Nhật đang ở trong tình-thế của những kẻ

giải vây trời chết. Những thành-phố lớn bên chánh-quốc bị dội bom liên-liên. Vây mà người Nhật vẫn không bỏ tham-vọng thôn-tính nước mình.

Chị Phú chen vào:

- Bởi vậy, tôi mới cho thằng Quý đi học tiếng Nhật...

Phú lại phì cười, lắc đầu bảo vợ:

- Tôi nói mình đừng giận. Mình cũng như đại đa số người mình, chỉ biết “năng bề nào, che bề ấy”. Học được thêm một thứ tiếng ngoại-quốc tức là một điều hay. Nhưng học nhấp-nhem để “đi làm” thì học có ích gì?

Người Việt-Nam muốn độc-lập thật-sự phải tự mình tranh-đấu mới đi tới kết-quả vinh-diệu. Không nên tin ai hết.

Cối giày xong, Phú lại nghiêm giọng tiếp:

- Này! Rồi tôi cho thằng Quý thôi học...

- Kệ, để con nó học, nghỉ rồi cũng không làm gì...

- Tôi nhứt-định rồi, mình à! Chúng ta sẽ đi xa.

- Đi xa?

- Ở đây có bữa chết vì bom đạn vô-tình của phi-cơ Đồng-Minh. “Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết”. Mình chết không vì mục-đích gì ngoài mục-đích cơm, áo thì lại càng vô-lý. Mình coi đó: mỗi ngày, có những phi-đội Anh Mỹ từ những căn-cứ Ấn-độ, Miến-điện bay ngang Sài-gòn để chở thêm quân-lính chiếm-đóng trên những hòn đảo vừa mới chiếm, hoặc để vận-lương cho họ, thỉnh thoảng lại thả xuống Sài-gòn một mớ bom. Dân Sài-gòn chết lổn-ngổn. Mình nên nghe tôi, tìm một chỗ thật xa lánh đỡ ít lâu. Tuy không phải là một chiến-sĩ cách-mạng, tôi tin chắc rằng thế nào rồi trên giải đất Việt-Nam này cũng sẽ có sự thay đổi mới-mẻ...

Chị Phú đặt mâm cơm xuống ván, mỉm cười giản-dị:

- Đi đâu xa cho mệt! Nếu mình sợ bom thì mình theo tôi. Chúng ta đem con về nương-náu ở nhà-quê trong ít lâu...

Phú đứng dựa cửa nhìn ra đường, nhưng vẫn theo dõi câu chuyện đang nói. Phú bác hăn ý-kiến của vợ:

- Về nhà quê để năm mà ăn, à?

- Sẵn ruộng đất của nhà đó! Mình không muốn năm không thì chúng ta lãnh một phần đất, xúm nhau trồng mía, trồng lúa, vui-vẻ bao nhiêu.

Phú trề môi:

- Nếu tôi ham thú “điền-viên” thì tôi đã về vườn lâu rồi. Mình là đàn-bà mà nhứt là đàn-bà phương-đông quen phục-tùng, giỏi công việc nhà, dốt chuyện xã-hội, tôi khó nói chuyện với mình quá...

- Mình khi tôi vừa chớ!

Phú cười xòa, làm lành:

- Thôi, tôi xin lỗi mình. Đợi thẳng Quí về ăn cơm, tôi sẽ nói chuyện cho mình nghe. Còn nhiều chuyện lý-thú lắm. Lau mặt và nghỉ tay một chút rồi lại đây coi thiên-hạ “chạy bom” với tôi cho vui.

Năm phút sau, hai vợ chồng Phú đã đứng gần nhau, trước cửa.

Trời càng trưa, số người đổ ra ngoại-ô càng nhiều. Họ tìm chỗ xa thành-phố để tránh bom vì hồi này, những chiếc máy bay trắng-trắng và xinh-xinh của phi-đội Mỹ thường viếng Sài-gòn.

Mãi rồi người Sài-gòn không tin ở còi báo-động nữa. Họ rủ nhau đi trước giờ báo-động và đã phân-biệt được tiếng động-cơ máy bay Anh, Mỹ và máy bay Nhật. Có một số người khác lấy sự hồi-hộp làm thú. Họ không đi đâu hết. Họ cũng không núp hầm. Họ đợi máy bay Đồng-Minh tới để làm điều vui tai, thích mắt.

Họ bảo rằng: Tiếng động-cơ của máy bay Anh, Mỹ nghe hùng-dũng hơn tiếng động-cơ máy bay Nhật. Cũng như trước kia họ đã kháo với nhau rằng: Máy bay Nhật bay mau hơn máy bay Pháp.

Vì nhà ở ngoại-ô, nên Phú ít lo sợ hơn những người ở trong thành-phố.

Để phòng xa, vợ chồng Phú đào một cái hầm ở bên vách nhà. Song không mấy khi, vợ chồng Phú ra núp ở đó. Mùa mưa, cái hầm thành giếng. Mùa nắng, thì cái hầm ấy lại biến thành chỗ đổ rác. Mãi rồi quen đi, người ở ngoại-ô lần-lần bớt sợ máy bay. Trong những giờ có động, họ vẫn ngồi im trong nhà, hoặc cứ lặng-lẽ tiếp-tục làm công việc đang làm nửa chừng.

Kiểm nhà thờ nấc lên lạnh-lãnh.

Nhiều loạt lá điệp rụng âm-thầm trong im-lặng. Trên các phố Sài-gòn, khách đi đường mỗi phút một vắng. Người ta cảm-giác như đang ở vào thời-kỳ giới-nghiêm trong một thành-phố bỏ trống.

Phú chỉ một cậu bé mặc đồ “sọt” ka-ki vàng đang đi mau theo đám người “lánh bom” nói với vợ:

- Con nó về kia! Vào sửa-soạn đồ ăn cho nóng, đi mình.

Trời vừa tối, Phú đã hội vợ con lại dưới đèn. Chị Phú bàn:

- Ngoài kia, trăng đẹp lắm. Chúng ta đem ghế bố ra ngồi, vừa nói chuyện, vừa ngắm trăng, mát-mẻ hơn là ngồi nhốt mình trong căn nhà tối-tăm và chật-hẹp như cái hộp quẹt này.

Quý tán-thành lời mẹ:

- Đi, ba! Trăng mát quá.

Phú âu-yếm nhìn con:

- Càng về khuya, trăng càng đẹp. Con trăng giờ này của thiên-hạ. Lát nữa, con trăng mới là của mình. Vả lại ba cũng có chút chuyện riêng cần bàn với má con và con.

Chị Phú trêu chồng:

- Mình làm như việc đi Lào là việc đi vòng quanh thế-giới!

Quý cười xòa trong khi Phú nhú mày, chắc lưỡi. Phú nghiêm giọng:

- “Trẻ con” mãi, quen tật. Thằng Quý năm nay mười sáu tuổi rồi. Sắp có vợ đến nơi mà không đứng-đắn chút nào hết.

Lời nói cợt của Phú không ngờ đã khiến lòng Quý hây-hây buồn. Cậu nhớ đến cô bạn đồng học có đôi mắt đen huyền và lóng-lánh: Ánh-Mai. Trong lớp dạy tiếng Nhật có cả thầy sáu nữ học-sanh. Chỉ có Ánh-Mai, cô gái, mẹ Lào, cha Việt, là được Quý có cảm-tình hơn hết. Tâm-hồn Quý, từ ấy, như vầng trăng trong vường một đợt mây buồn. Không biết có nên nói là Quý đã yêu Ánh-Mai không. Lòng Quý như mặt hồ hiu-hiu xao sóng. Những lúc Quý thấy buồn vợ-vẫn là lúc Quý thấy nhớ Ánh-Mai. Trên bước đường tương-lai vùi-vội, Quý mơ-màng một người bạn đồng-hành chung tâm-chí: người đi bên Quý sẽ là Ánh-Mai vậy. Nhưng kể từ mai, Quý đã xa Ánh-Mai rồi, xa Ánh-Mai mà không hẹn ngày tái-ngộ.

Khi nghe những lời từ giã của Quý, cô gái nhỏ im đi gần hai phút mà không biết phải nói gì. Đôi mắt tròn như hột nhãn hấp-háy một thoáng buồn điệu-vội. Buổi chiều hôm ấy, trước khi từ-giã hẳn thầy và bạn, Quý nhận được một lá thư nhỏ của Ánh-Mai, đại-lược những đoạn này:

...Ngày mai, ngày kia, Quý đã xa tôi đi về nơi tôi chôn nhao, rún. Không biết quê-hương của mẹ tôi có gây được sự vui-vẻ cho lòng Quý không. Riêng tôi, tôi cầu-chúc Quý “thượng lộ bình-an”.

Trong những giờ Quý nhìn cây, cỏ nơi non-nước mới mà buồn là lúc Ánh-Mai nhớ Quý và nhớ quê mẹ vậy...

- Đây chúng ta sẽ tới chỗ này.

Quý như người tình-mộng, nhìn mũi viết chì đỏ của Phú kéo dài theo một nét vẽ đỏ và ngừng lại một cái chấm đen có chua chữ “Khong” nhỏ gần bên.

Chị Phú hỏi:

- Là đâu?

Vẫn một giọng đều-đều của một người giảng bài, Phú đáp:

- Tỉnh Khong, một tỉnh nhỏ ở miền Lào-hạ, cách Sài Gòn gần 400 cây số. Tới đây, chúng ta sẽ ở nhà một người bạn cũ là anh Tùy trong ít lâu, đợi lúc nào mộ-phu xong mới vào rừng bắt tay vào việc. Hiện nay anh cũng chưa

biết quân-đội hàng-không Nhật định lập phi-trường ở nơi nào cho kín-đáo để là chỗ cất cánh khi mất những căn-cứ quan trọng.

Rồi Phú ngẩng lên, mỉm cười nói nhỏ với vợ và con:

- Quân Nhật sẽ làm việc vô-ích. Hiện nay bộ-binh Nhật đang mộ-phu đào những đường hầm rộng và dài phòng ngăn bước tiến quân của đối-phương. Nhưng quân Đồng-Minh chưa nghĩ tới việc đánh Đông-dương mà cứ nhắm ngay Đông-kinh (Tokio) để làm cái đích thẳng trận.

Quý ngập-ngừng chen vào câu chuyện:

- Con nghe nhiều người Nhật bảo rằng: Nếu một mai chánh-quốc có bị xâm-chiếm, họ cũng chưa phải là bại trận. Họ sẽ tổ-chức những cuộc kháng-chiến trường-kỳ trong những miền rừng núi và trên các hiểm-cứ họ đang chiếm giữ trong cõi Á-Đông này.

Phú lại phì cười:

- Nước Nhật không bao giờ đánh nổi Đồng-Minh mặc dầu quân-lực của họ vẫn còn đông-mãnh lắm. Chúng ta không phải là con nhà tướng không nên bàn việc quân-sự. Đây ta chỉ nói việc của ta, của gia-đình và đất nước của ta thôi.

Chị Phú như nghĩ ra điều gì, liền hỏi chồng:

- Mình nói rằng mình không “theo” Nhật mà mình đi giúp họ thiết-lập những căn-cứ không quân!

Phú nhip viết chì lên tấm bản đồ, cắt nghĩa:

- Cái cảnh của ta hiện-giờ như cảnh Lưu-huyền-Đức về ở chung với Viên-Thiệu ở Hà-Bắc. Ta cứ núp giặc mà không theo giặc. Sự ráng sức của quân Nhật sẽ thành ra vô-ích. Những phi-trường kia ở trên đất ta rồi sẽ thuộc về của ta. Em khéo lo nghĩ xa-xôi quá.

Phú quay lại nhìn ra sân rồi quay vào nói nhỏ với con:

- Hiện nay, có rất nhiều ỗ kháng Nhật đã thành-lập trong những vùng rừng núi. Riêng ở Bắc, người nước ta đã chiếm hẳn một khu độc-lập trên vùng thượng-du. Chúng mình ra đi kỳ này là đi vào một cuộc sống vô cùng

lý-thú, chuyện ấy là chuyện ngày mai, chuyện lịch-sử. Ta hãy tạm gác một bên. Chúng mình nên nói chuyện về cuộc hành-trình sang xứ Lào trước.

Ba người sát đầu nhau chăm-chú vào mũi viết chì đỏ của Phú, Phú nói:

- Từ Sài Gòn đến Kratié đường dài 145 cây số. Từ Kratié chúng ta sẽ bước vào một con đường mới: đường thuộc-địa số 13...

- Số 13? Nghe sợ quá.

Phú vuốt tóc con, mỉm cười:

- Phải, con số 13 là con số xui xẻo. Nhưng con có biết ai đã làm con đường ấy không?

- Con nghe nói viên toàn-quyền René Robin đã vẽ cái chương-trình mở-mang con đường thuộc-địa ấy...

- Nhưng xây đắp lại do tay người mình! Con có biết không: bao nhiêu mạng người đã tưới mồ-hôi và nước mắt lên quãng đường dài ấy. Trước kia, con đường ấy là con đường “hẻm”(piste) xuyên qua rừng. Sở lực-lộ đã định một quãng thời-gian bốn năm trong công việc khó-khăn ấy. Nhưng rồi con đường thuộc-địa số 13 chỉ trong vòng hai năm là hoàn-thành, kể từ năm 1935 tới năm 1937. Bởi vậy công việc làm rất gấp, lúc nào cũng phải dùng tới 6.000 nhân-công^[1].

Người ta thuật lại rằng: xứ Lào là xứ đây lam chương. Nắng ghê-gớm và mưa lụt trời. Một số đồng anh em tù-nhân chánh-trị đã ngã gục trên quãng đường này, thầy phơ giữa thác, gành, quanh năm chỉ có tiếng vượn kêu buồn.

Bên ngoài trăng đã lên cao. Phú kéo vợ, con đứng lên, nói lớn:

- Bây giờ chúng ta đi thưởng trăng.

Quý còn tiếc, yêu cầu Phú:

- Ba nói tiếp nữa, đi ba. Con muốn nghe những chuyện là-lạ như thế lắm.

- Ngày kia, chúng ta sẽ lên đường. Ba sẽ nói chuyện cho con nghe. Còn lắm điều lý-thú đang đợi ta trên bước đường sang Lào.

Quý không hỏi nữa. Cậu nheo mắt nhìn trăng và nhớ tới hình vẽ “cô gái Lào” bên những nóc nhà cao căng trên những tấm giấy số Đông-Dương. Hình-ảnh Ánh-Mai lại trở về với Quý.

Cuộc viễn-trình khởi-sự ngay tối hôm nay, đúng vào tuổi con trăng tròn. Thời tiết đang ở vào mùa lạnh, nhưng từ đầu hôm, một giông sương nhỏ ứa xuống trần-gian, tê-buốt. Vầng trăng lóng-lánh ở một góc trời như ngọn đèn tiền đưa, thấp trên một ngọn núi cao.

Mười chiếc xe kiểu vận-tải đã rồ máy. Tiếng người nói líu-lo càng phút càng hăng. Bọn lính Nhật xô những người cuối cùng lên xe, giữa những tiếng khóc biệt-ly của một số đông đàn bà đứng lố-nhố dài theo lề đường.

- Thôi, mình về nuôi con.

- Mình đi, mạnh giỏi...

Chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Những tiếng trẻ con khóc thét lên nghe đau buốt. Tiếng động-cơ rồ lên trong những vầng khói đặc làm át mất những lời từ-giã cuối-cùng giữa người đi, kẻ ở.

Tiểu gia-đình của Phú thuộc hạng tình-nguyện ra đi nên được ưu-đãi. Và Phú là “chủ thầu”, thông-minh và giỏi việc nên quân Nhật đối-đãi vào hàng thượng-khách. Phú và vợ con được sắp ngồi chung với bọn sĩ-quan trong chiếc xe thứ nhì.

Người Nhật vốn rất thích nói chuyện với những người Việt-Nam giỏi tiếng nước họ, nên cuộc trao-đổi ý-kiến của đám quân-nhân Nhật và cha con Phú vẫn chưa dứt khi đoàn xe bắt đầu chuyển bánh.

Chị Phú bặm chông, chỉ những người đàn bà đứng dài theo đường, nói nhỏ:

- Tội nghiệp quá. Vợ chồng, cha con người ta đang vui-vẻ...

Thừa lúc Quý đang mê chuyện với đám quân-nhân Nhật, Phú phân-bua với vợ:

- Trong số người tình-nguyện ra đi có những người bị quân-nhân Nhật bắt ép, như mình đã biết. Khi tới đất Lào, tôi sẽ kiếm cách giúp họ trốn về

xứ-sở.

Chị Phú gật đầu:

- Ủ, mình nhớ làm như vậy, nghe mình. Bọn mình tình-nguyện ra đi mà còn thấy ngùi-ngùi giữa phút lìa xa xứ-sở. Huống chi là họ.

Lúc đầu, mười chiếc xe còn theo đuôi nhau như một đoàn xe lửa. Qua cầu Bình-Lợi, đoàn xe bắt đầu lơi lãn nhau để tránh bụi.

Quý ngừng nói chuyện, trở về với những cảm-giác buồn-buồn đang tỏa hắt-hiu trong con tim nhỏ của mình. Lần thứ nhất, Quý rời bỏ quê-hương. Tâm-hồn cậu cứ vẫn-vơ mãi theo những bóng đèn xao-xác dưới bóng cây lù-mù, trong những mái gia-đình Việt-Nam rải-rác xa, gần sau ruộng mía hay trên cánh đồng bao-la.

Trải bao cảnh biến-cổ đã xảy ra trên đất nước, ngọn đèn Việt-Nam vẫn còn ấm-áp bên những tấm lòng hòa-bình. Mỗi buổi tối, vẫn có những cuộc sum-họp dưới đèn. Người dân quê kể lại cho nhau nghe công việc ruộng-nương đã làm trong ngày ấy. Những bữa ăn đạm-bạc vẫn còn khiến được những người ngồi quanh mâm yêu thương nhau. Sau bữa ăn, bà lại kể chuyện cho cháu nghe trong khi bên ngoài muôn, vạn lá mía đập vào nhau như muôn ngàn đao kiếm. Trong chuồng, bầy trâu vẫn lục-đục trong đám phân nhầy-nhựa, không nghĩ tới sự thoát-ly khỏi ách cày bó-buộc của loài người. Trong khi ấy, trên các bờ đại-dương nước biển đang âm-thầm gặm mòn lục-địa và tiếng súng của kẻ mạnh đang giết lẫn kẻ yếu trên khắp cõi sa-trường.

Giọc đường từ Sài-gòn lên Thủ-dầu-Một, cảnh nhà quê bày ra dưới trăng một bức-tranh nửa tối, nửa sáng. Vẫn những mái tranh thấp lè-tè, đứng yên phận bên ao bèo nước đọng, hoặc khép-nép bên những ngôi nhà ngói trông nghinh-ngang, hách-dịch như kẻ cường-hào. Đời sống của thôn-dân im-lặng mãi ở mực cũ, buồn-bã như cảnh trăng nhà quê, đêm nay và những đêm về trước.

Đoàn xe không ghé tỉnh Thủ-dầu-Một, bon-bon trên con đường đi Lộc-Ninh. Vào quãng đường này, Quý đã có những tư-tưởng khác. Thay vào

cảnh phẳng-lặng lù-mù lúc này, những hàng cây già chen lấn nhau đứng dài theo đường như hai bức tường đá. Con đường như thâu hẹp lại, dài hun-hút và sâu hóm như lòng khe cạn.

Tới cây số 55, Phú chỉ cho vợ con thấy cảnh Ông-Yêm và nói cho biết đó là nơi nhốt những trẻ vị thành niên. Xe lại bắt đầu vun-vút qua rừng như một đoàn mãnh-thú đang điên-cuồng đuổi nhau. Quý rất thích những chú chim “mắt đỏ” đứng giữa đường nhìn đèn như khiêu-khích ; chúng cất cánh bay vụt lên khi xe trườn mình tới và lại đáp xuống sau khi xe chạy khỏi. Hỏi Phú thì Phú nói đó là loài chim đáp muối. Khách ở rừng thường thấy chạnh lòng vì loài chim ấy cứ thức suốt đêm buông giọng buồn-thảm “sáng chưa? sáng chưa?” cho đến khi tiếng con công đầu tiên lên tiếng mới chịu thôi.

Một giờ sau, đoàn xe chun vào những dãy rừng cao-su bát-ngát và từ-từ tiến vào Lộc-Ninh. Bỏ Lộc-Ninh, đoàn xe lên đường đi Kratié, Quý hồi-hộp khi đoàn xe vượt qua biên-giới, vào đất Cao-Miên.

Thời-tiết đã bắt đầu khác. Bầu không-khí bỗng trở nên lạnh-ngắt. Sở cao-su này nối tiếp sở cao-su kia. Cuộc khai-khẩn của nhóm tư-bản, hằng năm đem lại cho họ những món lợi khổng-lồ, phần đông nhờ ở mồ-hôi và nước mắt của bọn phu vô-sản.

Phú nói cho vợ và con biết rằng những cây cao-su xanh-xanh ngày nay đứng ngất-ngưỡng như đám quân-sĩ trong một cuộc duyệt-binh kia, đã lớn lên trong tiếng khóc nhục-nhẫn của bọn cùng-đỉnh khổ-sở. Nhứt là ở Lộc-Ninh, bọn cu-li phần đông đều ở xứ Bắc mộ vào. Quanh năm, họ chỉ có vồn-vện một chiếc áo màu già che thân và gói tình xứ-sở trong tấm thân-tàn ma-dại.

Họ lìa bỏ xứ Bắc vào Nam, hoài-bảo một sự-nghiệp to-lớn và một tương-lai tốt đẹp. Họ ký tên bán rẻ cuộc đời, rồi giam-hãm thân mình dưới hầm tàu tối-tăm hơn nhà ngục. Trong khi linh-đỉnh trên biển cả, họ bắt đầu thấy mình thành con vật. Ăn, uống thiếu-thốn, kham-khố: ngủ không yên giấc vì thiếu không-khí mát-mẻ.

Khi đặt chân lên xứ-sở của đồng-bào miền Nam, cái mộng “Thiên-đường” của họ không còn nữa. Họ bắt đầu bị đưa vào những miền sơn-khê lam-chương. Họ đốt rừng, phá nông để xây-dựng sự-nghiệp cho người khác. Kiếp sống của họ là kiếp sống những kẻ bị tù đày. Ngày về xa lăng-lắc.

Quý ngẩn-ngơ buồn, hỏi cha:

- Làm sao cho họ hết khổ, hờ ba.

Phú vẫn-tắt:

- Họ sẽ hết khổ khi nước mình tự-chủ.

Đoàn xe đỗ một quãng giốc dài. Bọn sĩ-quan Nhật đã dựa vào nhau, ngủ ngon-lành ngay từ sau khi đoàn xe từ-giã Lộc-Ninh.

Đoàn xe nghỉ hai giờ đồng-hồ ở Kratié. Bọn người xa xứ, trèo xuống xe, ngơ-ngác giữa một tỉnh-thành đang ngái-ngủ.

Kratié là một tỉnh lớn của Cao-Miên, Kratié hay “Cần-ché” cũng thế, là một nơi đô-hội, với những dãy nhà lâu kiến-trúc lối Âu. Trong tỉnh có vườn chơi rộng lớn: đường phố thênh-thang. Nơi này đã cung-cấp một số lớn trâu, bò cho người trong nước.

Khi đoàn xe từ-giã Kratié, mọi người đều không chống nổi với cơn mệt-mỏi giọt đường. Họ dựa vào nhau ngủ gục, không còn thiết gì cảnh lạ quê người nữa.

Mảnh trăng nghiêng lặn xuống dãy rừng lù-mù đen hướng tây-nam. Gió ướn thổi phần-phật.

Phú và Quý kéo mền đắp cho chị Phú đang ngủ thiếp trên ghế dựa. Bằng một giọng buồn-buồn, Quý nói với cha:

- Chỉ trong vòng nửa đêm, người ta đã đi xa hăng mấy trăm dặm. Qua giấc ngủ đêm nay, sáng ra kẻ đồng-hương của chúng mình sẽ không đoán ra là mình đang ở cõi trời nào! Nghĩ cũng buồn!

Thật ra, lúc bấy giờ Quý đang nghĩ tới Ánh-Mai, người bạn gái đã khiến cho tuổi mười sáu của Quý vương nhiều kỷ-niệm.

Chiếc xe bông lên như thuyền gặp con sóng lớn. Quý nói một câu để phá tan nỗi buồn dài-dặc đang gặm-nhấm lòng mình:

- Đường xấu quá! Cứ thế này mãi tới sáng, con sẽ mưa hết mặt xanh.

Phú trao chai dầu nhỏ, bảo Quý:

- Con thoa vào lưỡii một chút cho ấm ruột. Ba cũng thấy khó chịu lắm.

Quý âu-yếm nhìn cha, tỏ dấu cảm ơn.

Gần bốn giờ sáng, đoàn xe mới tới Strung-treng, nhưng không nghỉ tại tỉnh này.

Từ đây xe chạy hết tốc-lực cho kịp tới Khône trước sáng để phòng ngừa những trận oanh-kích giọc đường.

Là vì sau trận đánh thứ nhì ở Phi-luật-Tân, thủy-quân lục-chiến Mỹ đổ bộ lên đảo Leyte thì trên không phận Thái-bình-Dương, phi-đội Đồng-Minh hoàn-toàn làm bá-chủ.

Đoàn xe đã bắt đầu đi vào quăng đường số 13, một con đường làm bằng mồ-hôi và nước mắt của một số nhân-công Việt-Nam gần mười năm về trước.

Năm 1935, viên toàn-quyền René Robin muốn giữ lại món tiền của Chánh-phủ đã trợ cấp hằng năm cho hãng Tây-Cống luân-thuyền^[2], hãng này có gần 50 chiếc tàu vận-tải xuôi, ngược giòng sông Mékong, độc-quyền trên con đường thủy Sài-gòn-Luang-Prabang nên đã mở-mang con đường số 13. Hai năm sau con đường dài 1.500 cây số đã hoàn-thành trên sức tưởng-tượng của mọi người. Gay-go nhất là đoạn đường từ Paksé lên Savan-nakhet. Sở lục-lộ phải bỏ con đường hẻm cũ, phóng một con đường mới. Sáu ngàn phu Việt-Nam cong lưng khuân đá đắp đường trên quăng rừng dài 247 cây số trong một đoạn thời-gian dài mưa, nắng. Nước không đủ uống, thuốc không đủ dùng. Nhiều người mòn sức vì sơn-lam, chướng-khí.

Qua mùa mưa, nước trút xuống vượt mặt không kịp. Vất bò nghinh-ngang khắp rừng, bám đầy trên mình bọn phu-mộ khốn-khổ và hút-máu họ

cho đến khi no bằng chiếc đũa con mới chịu nhả ra. Ban đêm tiếng muỗi kêu nghe ghê-sợ hơn tiếng thác đổ. Bệnh rét-rùng thành một thứ bệnh kinh-niên và bất-trị.

Nhiều người đã nghĩ ra rằng: Con đường này sẽ đem sự phồn-thịnh vào xứ Ai-lao, và thành ra con đường độc-đạo núp sau lưng dãy trường-sơn cho dễ bề tiếp-viện khi mặt biển bị uy-hiếp. Người ta nghĩ như vậy, nhưng khi quân Nhật vào Đông-Dương không do đường biển mà lại từ Trung-Hoa vượt biên-giới tràn vào, thì con đường số 13 thành ra vô-dụng về mặt quân-sự.

Mờ sáng hôm sau, đoàn xe đã đi vào địa-phận Hạ-Lào.

Quý không biết mình đã ngủ thiếp đi trong bao lâu, khi giật mình mở mắt ra thì tiếng máy đã tắt. Quý dụi mắt ngơ-ngác nhìn mọi người đang rộn-rịp trèo xuống xe.

Phú hỏi vợ và con:

- Sắp đặt đồ-đạc gọn-ghẽ rồi xuống. Chúng ta sẽ nghỉ trọn ngày nơi đây.
- Đây là đâu ba?
- Khône.

Quý lắng tai nghe thác đổ rào-rào và nhớ lại lúc còn bé mình đã đọc chuyện “thác Khône” trong sách quốc-văn giáo-khoa-thư, bây giờ mới thật là lúc Quý nghe tận tai, thấy tận mắt.

Tỉnh Khône, nằm gần giáp-giới Miên, Lào. Diện-tích 1.200 cây số vuông mà một phần ba gồm nhiều cù-lao và thác. Người Lào gọi là “Si-phan-Đôn”.^[3]

Tỉnh nhỏ. Đường phố vắng-ve.

Liên ngay tỉnh, có ba cái thác lớn, đường lối rất dễ đi. Thác “Somphanit” hay cửa “Vũ-môn tam-cấp”, mùa nắng nước xanh leo-lẻo, bò qua gộp đá róc-rách, tiếng réo không ò-ạt như trong mùa nước lũ.

Thác “Bạch-tượng” hay “Sang-Phueuk”^[4] rất thanh-tú về mùa khô (mùa nắng) nhưng từ tháng bảy đến tháng chạp nước tràn lên trông ngợp mắt.

Những xác cây mục có khi bị tung lên cao và rơi vào những lồm nước xoáy điên-cuồng rồi mất tích. Vất trong rừng bò ra đầy lối đi. Nhiều chỗ nước ngập thành vũng không lường được sự sâu, cạn.

Đẹp nhất có lẽ là thác “Phapheng”. Từ mặt thác xuống vực sâu, nước rút thành bức màn dài mượtng-tượng như có một người khổng-lồ đứng trên mái cao trút xuống gành sâu, từ đời này qua đời nọ mà không bao giờ chán.

Chỗ này tập-nập khách du.

Dưới chân thác, có một cái nhà “thủy-tọa”. Người ngồi đối trước cảnh nước đổ dạt-dào, ngỡ rằng mình đã nghe tiếng reo hò của muôn ngàn binh tướng và tiếng vó ngựa dẫm nát sa-trường, thuở xuân-thu chiến-quốc.

Buổi sáng hôm ấy, Quí mãi vui với cảnh lạ mà quên ngủ. Cậu dạo quanh phố một vòng rồi đi xem thác nước.

Trước hết, Quí viếng cái thác gần nhất là thác “Vũ Môn”. Quí có nhiều cảm giác rất ngộ-nghĩnh khi đứng trước cảnh nước, trời hùng-vĩ. Trên giòng thác đổ, vài cánh chim nhỏ lượn-lờ trên bọt nước trắng. Tiếng nước rền-rỉ như một lời thờ-than bất-tuyệt.

Hồi ấy, toàn cõi Đông-dương đã lọt vào tay quân-đội Phù-Tang, nên trong số khách-du không có bóng người Pháp. Đông nhất là Việt-Nam, Lào, Miên và quân-nhân Nhật.

Tối hôm ấy, Quí chong đèn định viết nhiều bức thư thật dài cho những bạn thân nhất ở Sài-gòn để tỏ nỗi lòng khách-địa.

Hí-hoáy thế nào, Quí lại viết thư cho Ánh-Mai trước hết. Quí cầm bút ngơ ngẩn trước đèn không biết phải nói những gì để tả hết những xúc-cảm của ngọn trào-lòng. Bỗng Quí nghe tiếng Phú bảo:

- Quí, con! Lấy cho ba một cái bao thư và đề như vậy: Ông Phan-ngọc-Tùy, sở Tạo-Tác, Paksé. Ba cần gấp gáp cho chú Tùy cái thư này.

Chị Phú hỏi:

- Lại phải đi Paksé?

- Đi Paksé, ở đây không thể nào mộ phu được. Với số phu có sẵn, chẳng thấm vào đâu. Chúng mình phải nhờ chú Tù mới được. Chú ấy đã dặn trong thư: “ Mọi việc đều có chú ấy”.

- Anh Tù là người thế nào?
- Một người bạn cũ rất thân.
- Vậy chừng nào khởi-hành đi Paksé?
- Sáng mốt...

Quý buông viết. Trước mắt cậu phảng-phất một con đường cheo-leo đang đồ dài ra dưới nắng.

* * *

Paksé, một ngày hè, năm Ất-dậu.

Bạn Ánh-Mai,

Tôi định viết thư cho Mai khi mới tới Khône. Nhưng rồi không viết được vì còn phải lo đi nơi khác. Vậy khi Mai được thư này có lẽ tôi sẽ không còn ở tỉnh Paksé nữa. Hiện cả gia-đình chúng tôi đang ở tại nhà chú Tù, một viên-chức cao-cấp của sở Tạo-tác trong tỉnh này. Chú Tù không vợ, không con, sống một mình trên một chiếc nhà sàn rộng-rãi. Chúng tôi đã mang sự ấm-cúng từ quê-hương sang đất lạ cho chú Tù. Thấy mặt chúng tôi, chú rất cảm-động vì chú xa quê-hương có trên mười năm rồi. Nhưng chú không hề nghĩ tới buổi hồi-hương, mặc dầu ở một miền quê Thanh-Vị, thuộc quận Tân-Uyên, tỉnh Biên-hòa, chú còn mẹ già đang trông đợi chú. Đừng hỏi chú vì sao lại không về, chú sẽ lắc đầu không nói.

Hiện nay, chú Tù đang vận-động cho ba tôi năm người cai Lào. Năm người này sẽ mộ giúp ba tôi một số phu độ ba ngàn người. Trong vòng một tuần, cả gia-đình chúng tôi và có lẽ sẽ có cả chú Tù nữa, sẽ vào ở hẳn trong một miền rừng, núi cho tiện-bề làm việc.

Theo lời ba tôi thì sở không-quân Nhật sẽ lập rất nhiều phi-trường ở các nơi hiểm-hóc trong nước. Những sân bay này sẽ làm nơi hạ cánh và cất cánh cho phi-công Nhật khi các phi-trường lớn mất.

Công việc làm sẽ vô cùng gay-go, tốn rất nhiều tiền và sức khỏe. Chuyện ấy, sau này tôi sẽ thuật cho Mai biết, nếu tôi còn có thể liên-lạc với Mai.

Còn Mai, vì sanh-trưởng trong đất nước Việt-Nam, nên chưa bao giờ có dịp về thăm quê mẹ. Mai nghĩ thế nào về những tỉnh-thành lớn ở Lào?

Khi tôi mới tới đây, tôi có cảm-tưởng như lạc vào một tỉnh-thành xa-xuôi với những sắc-dân lạ. Đàn ông vận váy, mặc áo “bành tô”, đội nón hoặc che dù đi nhớn-nhờ ngoài đường. Đàn bà và con gái mà người Lào gọi là “Phù-sảo” thì phần đông hớt tóc ngắn, mặc một cái “sỉn” rất đẹp. Áo mặc bó sát lấy mình bày những cánh tay trần hung-hung như màu gạch non.

Một số “phù-sảo” lại hút thuốc lá quấn tròn to như những điếu “xì-gà” và bới tóc nằm trể sang một bên trông rất đài-các.

Tỉnh Paksé nằm dựa sông Mékong có thể nói là một tỉnh lớn sau Vientiane và Luang-Prabang. Từ khi có con đường số 13, người Nam sang đây lập-nghiệp rất nhiều. Họ đã bỏ tiền ra làm một cái nghĩa-địa riêng lấy tên là “Việt-Nam nghĩa địa” cũng như “Ấn-kiều nghĩa địa” ở Sài Gòn mà người mình gọi là “đất-thành chà” vậy.

Ngay hôm bữa mới tới đây, tôi đã đi thăm sân vận-động Paksé vì Mai còn lạ gì tánh tôi, ham đá banh như con nít ham bánh. Tối lại, tôi đi xem buổi chợp-bóng đặc-biệt do người Nhật tổ-chức. Buổi hát không có gì đáng nói. Đó là một phim cũ có tánh-cách cổ-động cho bộ hải-quân Nhật.

Có thể nói Mai là một “cánh hoa Lào” đã nở ra trên đất nước người Việt, vì vậy nên Mai chưa thấy những cảnh chùa-chiền ở Lào.

Ngay trong tỉnh Paksé, có một ngôi chùa thật đẹp, lộng-lẫy không kém nhà thờ Gia-tô. Người Lào như người Mên, vốn sùng-mộ Phật-giáo nên cảnh chùa lúc nào cũng tấp-nập khách dưng-hương.

Trên phật-điện, một pho tượng “Thích-già” bằng đồng đỏ quấn ngang vai một lớp vải vàng, mắt mở he-hé, miệng chúm-chím cười, thật rõ một đấng từ-bi đang nhìn xuống đám chúng-sanh đau-khổ.

Khác với những sư-ông, sư-cụ ở Việt-Nam, những “chầu-hỏa”^[5] không xa lánh trần-tục. Họ sống chung nhau trong một dãy nhà dài cất bên hông chùa. Một phần đông là những “thầy sãi” ở miền xa tới trú-ngụ.

Ở Lào, “chầu hỏa” phần nhiều là những gã con trai nhà giàu “đi tu” để sám-hối cho cha mẹ vừa mới mất.

Cũng nên nói sơ qua cho Mai biết tục “hỏa-táng” của người Lào. Ở xứ “Vạn-tượng” này, trong mỗi gia-đình, khi có người chết, thì tang-gia quàng thân ma của thân-nhân mình để nằm giữa nhà. Nhà nghèo làm đám tang nhỏ, quàng độ năm ngày thì làm lễ đốt quan-tài. Nhà giàu quàng thân-nhân mình lâu hơn, có khi hằng tháng. Từ những “bản”^[6] xa, trai , gái kéo về rất đông. Đêm-đêm, họ bày cuộc ăn chơi, nhảy múa quanh quan-tài của người chết.

Trước khi làm lễ “hỏa táng”, người con trai lớn mở nắp quan-tài rửa mặt người chết bằng nước dừa và nhìn mặt lần cuối-cùng trong khi các nhà sư rì-rầm “tu-lị...tu-lị chuật-đà-sa-phạ” mắt nhắm nghiền, tỏ vẻ đau-đớn trước cơn tử-biệt.

Xong-xuôi, thân-nhân người chết bỏ chung-quanh quan tài mỗi người một nắm củi khô. Lễ hỏa-táng bắt đầu. Mùi khét xông lên ngợp mũi. Những người còn lạ cất tiếng khóc áo-não bên vầng lửa đỏ.

Sau đám hỏa-táng, người con trai lớn trong gia-đình bỏ nhà đi tu. Họ gửi thân trong chùa tháng này qua tháng nọ. Trong thời-gian đi tu họ được phép châu-du khắp miền nước non, thanh-tú. Chân không, đầu trần, mình quấn vải vàng, họ đi hết làng này, qua làng nọ.

Giọc đường họ được những người mộ-đạo quỳ ở các ngã ba dâng lễ-vật gọi là “pay khum bát”. Gặp các cô “phù-sảo”, họ có quyền theo về ở luôn nhà các cô nếu họ muốn.

Ngoài tục hỏa-táng còn có tục thủy-táng. Đó là những trường-hợp phi-thường. Người chết bị xô xuống sông mất xác.

Mãi nói giông-dài mà quên hỏi thăm Mai độ này có được mạnh-giỏi không. Học-hành có mời tấn-phát hơn trước? BẠN-bÈ cũ có ai bỏ trường

như tôi không?

Có một đêm, ngồi trên gác, nhìn ra sông rộng đen ngòm, nghe tiếng sóng róc-rách làm lắc-lư những đóm lửa chài, hồn cố-hương như bị lay-động đến cực-điểm.

Cũng bến tàu, cũng sông rộng. Nhưng mùi gió nghe chùng đã lạ. Mùi hương đồng thơm-tho, lúa đồng ngọt-dịu của miền Nam thân yêu bị thổi ngược chiều. Ở đây chỉ có gió hanh trộn mùi cây khô, lá mục. Tôi thèm những tiếng rao ngọt-ngào: “Ai...chè đậu xanh không?” Nhưng cảnh lạ dường như không muốn đãi người mới. Lòng tôi trống lạnh tựa một gian nhà hoang, từ lâu thiếu ngọn đèn gia-tiên ấm-áp.

Đêm nay là đêm nào? Mai có được yên-giấc không? Riêng tôi, tôi muốn thức suốt đêm bên đèn để cho tình quê làm man-mác con tim.

Trông thơ phúc đáp của Mai.

Thân ái,

Quý

Viết thêm: Dầu tôi có xa Paksé, Mai cũng cứ do địa-chỉ này: Ô. Phan-ngọc-Tùy, sở tạo-tác, Paksé (Laos). Dưới thêm: xin chuyển thư tận tay Quý.

* * *

Paksé, ngày... tháng... năm Ất-dậu^[2]

Ánh-Mai bạn thân yêu,

Lá thư trước tôi viết cho Mai, có lẽ chưa tới, tôi lại viết tiếp cho Mai bức thư này nữa. Là vì bắt đầu ngày mai, tôi đã theo chú Tùy và ba, má tôi cùng tám trăm phu vừa cũ, vừa mới vào rừng lãnh việc.

Hai ngày qua rồi, chúng tôi phải dùng xà-lúp máy qua một quãng sông rộng và đi bộ ngược lên ngót 10 cây số mới tới nơi đã vẽ trong bản-đồ. Nói chuyện qua sông, tôi xin lỗi Mai, cho tôi được nói giông-dài với Mai một lần nữa cũng như trong thư trước tôi đã nói về tục “hỏa-táng”.

Mai ơi! Mai là con gái của một người mẹ Lào, nhưng Mai chưa bao giờ vận áo cánh, mặc “sịn”^[8] như các cô “phù sảo” ở xứ bí-mật này. Cho nên Mai chưa bao giờ được qua sông bằng thuyền độc-mộc. Thuyền độc-mộc là thứ ghe mình thon như xuồng “ba-lá”. Nhưng khác hơn xuồng “ba-lá”, thuyền “độc-mộc” là thân cây tròn cưa ra và nạo lòng sâu xuống thành lườn. Không quen ngồi thứ xuồng độc-mộc này, khách đi trên sông sẽ phải trải qua nhiều chuyến hồi-hộp, vì thuyền rất nhẹ, đi rất mau mà hay chòng-chành.

Ước sao cho Mai được về thăm quê mẹ trong một ngày gần đây. Mai và tôi sẽ dùng thuyền độc-mộc dong chơi trên sông trăng, những chiều im gió.

Mai có bao giờ nghĩ tới ngày về quê mẹ không? Ở đây “phù sảo” rất tự-do. Họ được phép nói chuyện với bạn trai. Và khi có một người con trai đến thăm thì người tiếp chuyện lại là người con gái ; ông, bà chủ-nhân sẽ lui vào trong buồng bầu không-khí tự-do và thân-mật lại cho con gái mình với khách.

Nhắc lại chuyện tôi theo chú Tuy và ba tôi dưới sự hộ-tống của bốn người lính Nhật. Lần thứ nhất, tôi lội rừng, nhưng cũng không nhọc lắm, vì trước khi chọn chỗ này làm căn-cứ không-quân tạm-thời, bộ tham-mưu Nhật đã thuê người dọn đường đi sạch-sẽ rồi.

Mùa này là mùa lá chết. Lá khô tua-tủa rụng xuống như những lá cờ nhỏ, vụn mình giữa bao-la gió. Chúng tôi giẫm lên lá ủ như đi trên một lớp chiếu trải đường. Nhánh khô khua dòn dưới gót giày đinh của bốn người lính Nhật. Một lát sau chúng tôi tới nơi. Ấy là một khoảnh đất trống, loạn những tranh, đế và hằm-hổ.

Muốn làm cho mảnh đất này quang sạch, phải đốt tranh và đế ; sau đó phu mộ sẽ dùng cuốc, rìu và cưa, đốn cây đứng bơ-vơ giữa cái sân bay tương-lai. Khi cây ngã xuống, phải dùng những “tiều-phu” giỏi việc “dọn gốc” cho cây mất rễ. Gặp gò thì san bằng. Những chỗ nào có hố thì phải lấp đầy bằng đá và đất.

Trong khi làm những công việc ấy, nhà sàn phải được dựng gấp cho cai-thầu có nơi ăn, chốn ở làm việc, khỏi phải ngược ra làng, mất thì giờ và trễ việc. Luôn-luôn phải có thuốc ký-ninh phát cho phu ngựa rét.

Ba tôi tính mở một cái nhà thương nhỏ dưới sự trông nom của một bác-sĩ Nhật, hoặc một lương-y Lào hay Nam. Đó là công việc xem như là thừa, nhưng thật ra rất cần-thiết. Là vì con người phải mạnh-giỏi mới làm “chạy việc”. Lo-lắng cho sức-khỏe của phu là một điều hay vậy.

Nói về phu mộ, tôi cũng cần phải nói cho Mai rõ sự khó khăn của “cai-thầu” như thế nào. Số người tình-nguyện đi làm rất ít. Một phần đông bị bắt buộc, bị hăm-dọa bằng võ-khí nên không dám từ-chối. Việc “bắt râu” (corvée) này do nhà binh Nhật chủ-trương. Họ ra lệnh “tổng-động-viên” những trai-tráng trong làng ; mỗi người đi làm mười ngày, được tiền phụ-cấp gia-đình và thuốc-men đầy-đủ. Tuy vậy rất ít người muốn đi lắm.

Ba tôi thuật lại chuyện đi “bắt râu” người Kha mà bắt rùng mình. Lần ấy bọn cai thầu, chú Tuy, ba tôi và năm người lính Nhật tưởng đâu đã bỏ xác giữa rừng.

Người Kha hiệp cùng bọn Mọi Stieng nổi loạn chống lại cường-quyền. Có một số trai-tráng bị bắt râu. Còn một số khác lẫn vào rừng làm giặc.

Nửa đêm, chúng bắn tên lửa đốt “doanh-trại” của ba tôi, rồi chia nhau mai-phục gần nửa lối đi ra khỏi bản.

Chú Tuy, năm người lính Nhật và ba tôi thấy tên lửa bay tới biết là có biến, liền mưu-tính cuộc phòng-thủ. Những tiếng súng náo-động rừng già không làm cho bọn giặc Mọi thối lui. Trái lại, chúng nó trở nên hung-hăng, bắn tên vào như mưa và cầm giáo, mác gậy-gộc xông vào. Tài bắn ná của bọn Mọi phải khen là giỏi. Chúng cứ từ phía cửa trước và hai bên bắn vào, còn phía sau nhà không nghe một tiếng động nào.

Đám lính Nhật, chú Tuy và ba tôi đều là những người mưu-cơ. Họ biết đo là một cái bẫy gài sẵn của giặc nên không thoát ra cửa sau mà cứ do cửa trước phá một đường máu, thoát được. Từ đó “cai-thầu” bỏ việc mộ râu trong những vùng hiểm-hóc.

Hiện nay số phu đã tạm đủ. Công việc đang tiến-hành.

Có lẽ sáng mai, tôi còn viết cho Mai một lá thư chót nữa rồi mới yên lòng ra đi. Từ hôm lên tới đây, vì không hợp phong-thổ nên má tôi nóng vùi. Đến nay, bệnh cũng chưa dứt.

Dầu thư này tới trễ, Mai cũng cứ viết thư phúc-đáp theo địa-chỉ đã dặn trong thư trước.

Bạn của Mai,

Quý

* * *

Paksé, ngày.....tháng.....

Mai, bạn.

Dưới sân nhà, người ta đang rộn-riệp lãnh thê qua sông. Tiếng người ồn như đang dự một cuộc hành-hương long-trọng.

Trên sông sóng nhấp-nhô ánh bạc. Một cánh chim lẻ loi đang đập lên gió, hun-hút bay về Nam. Hồn tôi, giữa phút này, là bóng chim kia vậy.

Mai ơi! Tôi biết nói gì để tả hết trạng-thái tâm-hồn của tôi, ngay phút này? Giấy rộng quá, minh mông như là cuộc đời. Viết, mực không khiến tâm-tình vượt quá phạm-vi tờ giấy. Cũng là những cảm-giác ngùi-ngùi của một tấm lòng tiễn đưa một tấm lòng. Trong linh-hồn tôi có một con thuyền tách bến, một vó ngựa qua cầu làm một cuộc viễn-ly.

Thôi, Mai hãy yên lòng vậy. Sự xa-vắng sẽ tăng niềm luyện-ái. Sự đau-khổ sẽ thêm kinh-nghiệm cho đời mình.

Lòng tôi đang run. Bút tôi đang run.

Mặt trời đang làm một bình-minh lung-linh như bình-minh của một kẻ quốc-sĩ mang gươm ra đi vì sứ-mạng.

Mặt trời đang đợi tôi ngoài bến sông. Đành tạm-biệt Mai, ở đây vậy.

Quý

* * *

Phou-ta cốc, ngày... tháng...

Bạn Ánh-Mai,

Lá thư nhàu nát của Mai, do chú Tùy chuyển-giao, ba ngày sau mới đậu vào tay tôi, trông xác-xơ như lông cánh của một con chim nhỏ sau khi đã qua nhiều gió núi, mưa ngàn.

Bấy giờ trời đang cháy nắng. Tiếng chó chốc và khi núi, dội lên từ góc rừng này qua góc rừng nọ. Đó, đây tràn tiếng ve như có trận mưa lớn đổ rào-rào miên-man.

Trong thư, Mai hỏi tôi độ này ra sao và đang làm gì ở quê người.

Độ này, “thằng Quý men-mét” đã thành “thằng Quý ông-táo”. Nếu Mai và các bạn cũ gặp lại Quý sẽ ngỡ rằng mình gặp một “Chúa-ôn-Lào”, đen-thui đen-thui. Lúc đầu mới làm quen với nắng, da mặt và da tay tróc lên như nổi vẩy. Bây giờ thì “thằng Quý” đã chịu nắng rồi. Có bao nhiêu nắng nó kham cũng nổi. Ở đây, nắng trưa không khó chịu bằng nắng xế. Lúc mặt trời đứng bóng, mình đội một cái nón vành rộng, thấy dễ chịu vì có gió mát phe-phẩy hây-hây. Nhưng khi mặt trời nghiêng lặn về hướng tây, ánh nắng nhìn quáng mắt.

Gò má nóng hừng-hực và cứ “chín” lặn lên như da trái đào. Người ta tưởng như có đám cháy rừng, gần đó. Mình cố tránh nắng dưới những bóng cây rậm mà gió cứ hắt mùi không-khí nóng-nả vào mắt, vào mặt, khó chịu lắm ; uống bao nhiêu nước cũng không vừa: khát như đi giữa sa-mạc. Nước cứ phải đi múc thêm vào bình lọc, vì không dám uống nước suối hoặc khe. Ấy là chưa nói chuyện khó-khăn trong lúc đi kiếm nước, vì “mùa khô” ở Lào, các rãnh nước bị nắng hút hết. Kiếm được một cái vũng dưới đáy hố, người ta sẽ “ưa nước mắt” vì không biết nên uống hay không. Mặt nước như loang nhiều giọt dầu ; cặn lóng đen ngẫu-ngẫu dưới đáy vũng hẹp bằng khu tộ.

Một con đĩa mén quẩy mình lên mặt nước rồi biến mất.

Uống hay không uống?

Còn nhớ cách đây mấy năm tôi có đọc một truyện ngắn^[9] của một nhà văn luân-lạc, nói về chuyện “khát nước” của một toán người và ngựa lạc giữa rừng hè.

Bọn kỵ-mã phải dùng khăn “mu-soa” trải lên mặt nước để cản phân ngựa và thú rừng, lọc lấy chút nước sạch. Chỉ một giọt nước thôi, một giọt nước cũng đủ làm cho cổ họng khô cháy thỏa-mãn.

Lại một chuyện nữa: Cũng chuyện khát nước.

Không còn nhớ rõ năm nào, trong trận Sahara, một thiết-giáp-xa thuộc một đoàn cơ-giới Mỹ, lạc tới một nông cát với một nhóm chiến-sĩ gồm đủ sắc người.

Đám người này tìm được một cái giếng cạn mà trong đó còn sót lại một lỗ mội ri-ri từng giọt nước nhỏ bằng cộng tranh.

Trọn giờ đồng hồ mời hứng được một “ca” nước nhỏ. Hứng nước xong, mỗi người chỉ được phép nhấp một chút xíu, thấm giọng, nhờ vậy mà họ thoát khỏi cơn chết khát và tiếp-tục tranh-đấu cho cuộc hòa-bình của nhân-loại.

Sỡ-dĩ tôi nói dài giọng như vậy là ý tôi muốn cho Mai biết sự tối cần của một chút nước nhỏ xíu đối với khách lạc đường. Mà sự thiếu nước tương-tợ như đã nói trên thường xảy ra ở cái xứ Lào khô cháy này lắm.

Lúc đầu, tôi cứ bị lạc đường mãi. Thật là quái-dị. Trí nhớ mình đâu phải là tầm-thường mà không sao tránh khỏi sự ngộ-nhận trong khi ngược đường về.

Mình vừa qua một cái hố, chun qua một rừng tre và noi theo một con đường hẻm (piste) của sở Khán-lâm (Service forestier) mà vào rừng chai. Rừng chai mùa này thật đẹp. Hoa nở trắng rừng. Trên mặt đất, một lớp bông rụng dày như một lớp nệm. Đặt lưng nằm xuống là mắt lim-dim ngủ liền. Gió mát, chim ca. Ngửa mặt lên, người ta mơ-màng một cảnh thiên-thai mà khách lạc-loài là một ông hoàng mất nước.

Dưới hông núi, một rừng hoa trang đang độ nở. Màu đỏ chói mắt. Tiếc mình không là một họa-sĩ nên không ghi lại được màu sắc thiên-nhiên ấy.

Sau ba giờ đồng-hồ lội rừng, mình lần theo con đường đã vạch sẵn trong rừng “teck” kiếm lối về. Này, trên đầu vẫn những trận mưa hoa chai lòa-xòa trong tiếng ve đang khóc ngất. Bên kia triền đồi, bông trang đỏ-ối như một vũng máu đặc lại dưới ánh nắng phai màu.

Chai nước đã cạn như bao-tử trống-rỗng của người đang đeo nó. Đôi ủng bắt đầu nặng. Hơi thở mồn lẩn. Bên tai, tiếng hú của bọn người đi tìm mình nghe vắng-vắng. Mình cũng hú trả lại mà mãi vẫn không thấy nhau.

Cổ họng khô và lưỡi đắng. Không còn một chút nước miếng nào hết. May quá, một lỗ chân voi còn đựng một chút nước, thuộc vào thứ nước tôi đã tả trên đầu thư cho Mai nghe lúc này.

Uống hay không uống?

Tôi xin Mai cho tôi được miễn trả lời.

Mãi tới tối, nhờ ánh đuốc phát-phơ của người nhà, mình mới lần về tới trại.

Má tôi được tin ấy, nóng ruột viết thư kêu tôi về. Nhưng ba tôi mỉm cười khoái-trá bảo rằng: Đó là một cuộc thử-thách. Có thắm vào đâu? Thằng con trai cần phải trải qua những cuộc “lạc rừng” như thế mới nên thân.

Vì vậy nên mãi tới nay tôi cứ theo bốn người cai Lào xa mãi nơi ba, má tôi ở.

Thích quá, Mai ơi!

Lần theo bờ sông Mékong mà người Tây-Tạng gọi là Dakio và người mình đặt tên Cửu-long-Giang (con sông có sức mạnh bằng chín con rồng), nhiều lúc tôi muốn rủ bọn cai Lào qua sông, trốn vào rừng Xiêm sống một cuộc đời du-mục với người Thái.

Nghe nói gần Phou-ta-cốc còn một số đồng-đồng-bào bị bệnh thủng. Họ là những người đi “lùng” gỗ teck chẳng may bị người Lào cọng-sự lừng-gạt hết vốn. Bơ-vơ nơi xứ lạ, họ ôm chứng-bệnh hiểm-nghèo đợi ngày

xuống huyết. Họ không phải là hạng người tầm-thường. Họ thuộc vào lớp người hiếu-động. Họ chọn những việc nguy-hiểm khó-khăn để được thỏa chí-hướng.

Thông-minh tuyệt-vời, chí lớn như núi, họ muốn đem cuộc đời chọi với hoang-vu và cao-cả. Chẳng may bị thất-bại. Thà chịu chết giữa rừng, chôn tòi ba và chí-hướng nơi tuyết-tái biên-thùy. Không thở-than, cũng không hối-tiếc. Sự kinh-doanh đối với họ là một thể cờ. Lỡ ván này, còn ván khác.

Viết tới đây, tôi chợt nhớ tới một bậc danh-tài của đất-nước đã vì cát mông “đãi cát tìm vàng” mà phải ngã giọc đường lam-chướng, ở Tchépone.

Bậc anh-hùng tóc trắng “văn võ” song-toàn này là ông Nguyễn-văn-Vĩnh, chắc Mai đã biết.

Mệt quá!

Xin giã-từ Mai. Hẹn thư sau. Câu hỏi của Mai về lịch-sử người Lào, xin Mai thư-thả đợi khi khác.

Chào Mai,

Quý

* * *

Phou-ta-Cốc, một chiều ước sương.

Ánh-Mai ơi!

Thư viết rồi nhưng không gặp chuyến xe liên-lạc nên vẫn còn nằm trong túi tôi ba bữa nay.

Sáng lội rừng, tối tôi về chong đèn “rút” ít hơi thuốc Lào chơi đỡ buồn với mấy người cai-thầu, rồi yêu-cầu họ dạy thổ-âm để phòng khi lạc đường mình không đến nỗi làm người câm. Thú thật với Mai, tôi đang khổ về câu hỏi cuối thư của Mai. Quốc-sử Việt-Nam thì mình thuộc lâu. Quốc-sử Lào ít khi nghe tới.

Dịp đâu đưa đến, tôi được một ông bạn lớn tuổi làm nghề doanh-thương trong bóng tối, kể cho nghe. Ông ta buôn thuốc phiện, buôn thuốc-lào,

buôn gỗ teck và buôn cả món mẳm “quốc-túy” của xứ Lào. Làm ăn nhiều thứ như vậy nhưng quanh năm ông ta chỉ có một bộ đồ mặc trong mình. Người ta đồn ông ta đánh bạc nhưng không thấy ông ta chơi bao giờ. Ông rất ít nói. Quanh năm họp bạn đầy nhà, chén-tạc-chén-thù.

Hôm tôi mới vào ở nhà ông, ông đãi một bữa cơm nếp nấu ống lồ-ô, ăn thơm và béo lạ-lùng. Mãi rồi quen miệng, tôi cứ đòi ăn độc có thứ cơm này với gà nướng. Tối-tối, ông và tôi nhai *ma-bóc*^[10] nói chuyện từ chong dậu này qua chong dậu nọ mà không biết chán.

Ông bảo rằng: Ông muốn nói với tôi nhiều chuyện lạ lắm nhưng chưa phải lúc. Ông rất sành chữ Tàu. Phong-tục và tập-quán của những dân-tộc Á-châu ông biết rành-rọt.

Về sau này, tôi không thích bọn cai Lào nữa. Họ thô-lỗ lắm, không biết nói chuyện chỉ biết hút thuốc Lào và mời mình...hút thuốc Lào với họ. Mình rút đến sặc khói và say rũ ra mà họ cũng cứ ép hút mãi. Và rượu nữa. Không uống không tri-ki. Họ sẽ giận.

Gặp được một người bạn lớn tuổi sống lâu năm ở Xiêm, Lào, Cao-Miên và Trung-Hoa, tôi mừng như xí được một bộ sử quý, một quyển địa-dư rất có ích cho bước phiêu-lưu của mình. Là vì theo như ba tôi thường nói: Sự đi Lào của chúng tôi là sự học-hỏi, một cuộc thí-nghiệm, một cơ-hội nung tâm-chí, rèn tài năng.

Vậy, dưới đây là nguyên-sử của dân-tộc Lào, theo lời kể của ông khách già ở Phou-ta-Cốc:

“Người Lào cũng là giống Thái như người Xiêm ở Lưỡng-Quang và Vân-Nam.

Vào một thời-đại tiền-sử có một ông hoàng trẻ tuổi ở đất Ba-Thục^[11] tên là Thục-Phán

(có nơi nói là Châu-Phán) cướp nước Văn-Lang của 18 đời Hùng-Vương lập nên nước Âu-Lạc, xây Cổ-loa-thành tức là An-dương-Vương^[12] nhà Thục.

Một đoạn huyền-sử thuật lại việc mất Cổ loa chung quanh câu chuyện nó Thần và một thiên tình-sử lâm-ly giữa My-châu công-nương với Trọng-Thủy, trưởng-tử của Triệu-Đà.

Giống người Thái vào đất Thục, sanh-sản nhiều thêm, rồi xuôi giòng sông Mé-Nam tràn xuống cõi bình-nguyên lập nên nước Syam, đóng-đô ở Ayuthia, sau đời Bang-Kok.

Một số người Thái khác lại theo những giòng sông Mã, sông Gấm, sông Thao, sông Bờ đem nhau vào ở sau lưng dãy Trường-Sơn, lập quốc và đặt hiệu là Lan-Xang tức là Vạn-tượng (Vientiane) ngày nay.

Tới thế-kỷ XVII, trong nước có nội-loạn kể bị nước Xiêm tiêu-diệt.

Kinh-đô Lan-Xang bị người Xiêm tàn-phá. Hoàng-thành tan đổ. Gần mười ngàn nóc nhà bị đốt cháy. Dân-chúng lâm-than. Những kẻ ái-quốc bị gông cùm, dày ải. Đàn-bà thì bị làm món đồ chơi cho kẻ thắng trận. Nhiều trang quốc-sĩ, mang gươm thù và quốc-hận trốn sang những nước láng-giềng.

Chao-Anou quốc-vương nương-náu ở Trấn-Ninh chờ ngày phục-nghiệp. Khắp nơi phong-trào cần-vương âm-thầm bành-trướng.

Nhưng rủi vì một tên bán nước thuộc giòng vương-giả là Chao-Noi lập thế bắt vua đem nạp cho Xiêm-la quốc-vương.

Hoàng-đế Việt-Nam là vua Gia-Long bất-bình nên tiến binh bắt Chao-Noi đem về Huế xử chém để làm gương bán Nước cho người sau.

Từ ấy có cuộc bang-giao giữa Lào và Việt. Nhưng rồi những cuộc chiến-tranh lại nổi lên vì, có bao giờ một nước yếu “làm bạn” với một nước mạnh mà không bị thiệt-thòi mà không mất nhiều quyền-lợi?

Cho đến ngày nay theo với phong-trào độc-lập trong chương-trình Đại-Đông-Á, quốc-vương Ai-Lao vừa tuyên-bố độc-lập cũng như nước Việt-Nam ta đang độc-lập dưới bóng cờ Long-tinh...

Nước “Lan-Xang” và nước Việt-Nam cũng như Cao-Miên đang “học-đòi” làm một nước độc-lập sau những nước độc-lập dưới vòm trời Đông-Á,

như Miến-Điện, Phi-luật-Tân v.v... Nhưng Miến-Điện, và Phi-luật-Tân đã quay về với Anh, Mỹ.

Giữa lúc thế lực Nhật-bồn hầu tàn, lại còn ráng giải-thoát những nước nhỏ ở bán-đảo S, nghĩ cũng một sự lạ.

Ông bạn già nhấp một miếng nước chè, nhai một hột *ma-bóc* rồi tiếp lời: “Nhưng dầu sao cũng là một bài học lịch-sử để cho người mình thức-tỉnh và thấy rằng mình muốn độc-lập không phải là khó. Nhưng ta dựa theo Nhật-bồn tức là bám lấy một người anh-hùng đã kiệt-sức và sắp chết đuối giữa Thái-bình-dương.

Giữa hai đòn cân lịch-sử, ta phải khôn-ngoan chọn lấy một đầu. Muốn được như vậy, ta phải sáng-suốt tự mình mở một con đường tranh-đấu mới, để thoát khỏi vòng lẩn-quẩn đang vây-bọc ta, tức là cái chương-trình Đại-đông-Á vậy. Ta hãy thí-dụ: Nước Nhật thắng trận. Và ta sẽ được độc-lập như thế nào? Ta sẽ độc-lập dưới một chánh-thể quân-chủ, làm một nước hội-viên của nước “Đại Nhật-bồn”, quyền ngoại-giao và quân-sự trong nước đều do người Nhật kiểm-soát. Như vậy nước Việt-Nam sẽ giống tình-cảnh một “cây kiến” trồng trong một cái chậu: chung với những “cây kiến” Mã-Lai, Miến-Điện v.v...

Ngay như vấn-đề qui-hoàn lãnh-thổ Nam-kỳ về cho một nước Việt-Nam đã bị cắt đứt trong hơn 80 năm nay mà thống-đốc Minoda cứ lờ đi và cứ kêu-gào thật lớn vào đài phát-thanh rằng:

“Nước Nhật nhứt-định không nhúng tay vào nội-trị Việt-Nam. Vận-mạng Việt-Nam sẽ do Việt-Nam định-đoạt”.

Như vậy, sự thành-thật của một nước “đàn anh” lấy gì bảo-đảm? Ông ta còn nói nhiều nữa. Nếu tôi viết thêm cho Mai biết thì thành ra đã đi quá xa câu hỏi của Mai. Vậy tôi xin ngừng viết và mong-mỏi từng giây, từng phút đoàn xe liên lạc sẽ ghé lại đây chiều nay cho những tiếng lòng của tôi sớm được tới tai Mai...

Ngừng viết và nhớ Mai.

Quý

* * *

Paksé, ngày... tháng...

Bạn Ánh-Mai,

Chắc Mai lấy làm lạ về chỗ bật tin-tức của Quí. Quí xin nói mau cho Mai rõ: Cách đây nửa tháng, trong một bức thư nói về gốc-tích người Lào, Quí đã đại-dột thuật một chuyện chạm tới giới quân-sự Nhật-bổn ở Đông-Dương. Thư ấy bị tịch-thâu. Người bạn già bị bắt.

Còn Quí, Quí bị đưa về nhà cha mẹ và bị cấm không được đi đâu hết.

Ngăn-ngủ bấy nhiêu lời, mong Mai suy-nghiệm và hiểu dùm nỗi lòng của người bạn cũ, dầu phải sống xa Mai, nhưng tâm-trí lúc nào cũng hướng về phương bạn.

Quí.

Thêm: Người trao thư cho Mai là người tâm-phúc của ba tôi. Tin được. Mai hãy viết vội một cái thư ngăn gởi lại cho tôi. Rất trông thư Sài-gòn.

...

Sài-gòn, ngày... tháng...

Anh Quí,

Tôi đành phụ lòng anh vậy. Từ nay anh hãy thôi viết thư cho tôi vì lòng tôi đang mang một vết thương đau-đớn: Ba, má tôi đã vùi thây dưới hầm núp trong trận bom ở Sài-gòn, cách đây vài hôm.

Anh hãy coi bức thư này như là sự liên-lạc cuối-cùng giữa anh và tôi. Là vì từ mai, phong sương u-ám lắm. Con chim mờ-côi đang chọn một phương trời.

Quí ơi! Mai không bao giờ quên Quí đâu! Mai sẽ giữ hình-ảnh Quí mãi-mãi trong bước truân-chuyên.

Quí là người con trai thứ nhất đã làm cho Mai băng-khuâng đó!

Mai của Quí.

PHẦN THỨ HAI

TIẾNG ve đã tắt từ khi hoa vông buông những cánh máu cuối cùng xuống thung-lũng. Chiều nào trời cũng nổi cơn nộ-khí. Mặt trời như đã hết sức mạnh, ẩn mình sau những toán mây cuồng lộng theo gió tây nam trở về như một đám ác-thần sắp gieo tai-họa cho loài người.

Mây đùng vào sườn núi, đứng dừng lại rồi tan ra thành giọt dầm tua-túa xuống mặt đất cứng như gang.

Các khe, rãnh ngửa lòng ra hứng nước. Những cơn giông lớn dè ngàn cây ép sát mình vào sườn non để lấy chỗ dựa. Loài dã-thú khiếp-sợ núp vào hốc đá, lấm-lét nhìn không-gian vì những làn chớp bén như gươm chém xuống nhoang-nhoáng. Duy có những trái núi sắp thành hàng dài như một đoàn voi lớn, voi bé là vẫn giữ thái-độ ngang-nhiên, ngửa trán ra mà ngăn lũ mây cuồng-loạn.

Luôn như vậy, trọn bảy ngày, trời đất âm-u. Gió lạnh ngăn-ngắt. Sấm-sét liên-miên thành những vạch điện dài ở những nẻo trời xa lạ.

Mùa mưa đã bắt đầu trong khi ở xứ Bắc, mùa thu đang rây mưa hiu-hắt và ngắt lá thả đầy đồng-nội, núi rừng. Riêng ở xứ Lào, Cao-Miên và Nam-phần Việt-Nam thì đang tắm trong một đoạn tháng ngày dài mưa, gió. Lá từng cánh, từng-cánh ly-biệt nhánh cây rơi vào cõi vô-định.

Có một số người bất-chấp mùa mưa gió. Họ phơi mình dưới cơn mưa trút nước, khuôn đá và sắp thành hàng dài, cầm những cái dầm nặng như chày giã gạo nện lên mặt đất như đóng cừ. Một đám “cai thầu”, tay cầm roi, miệng hét thi cùng mưa gió, hét chạy tới chỗ này, lại chạy sang chỗ nọ.

Ở đây, ngọn roi rất cần cho bọn cai thầu. Không gì hiệu quả bằng “quất” thẳng tay vào lưng bọn phu Lào, Mên và Mọi. Tiền chúng đã lãnh trước hết rồi. Nếu ngưng làm việc một ngày, cai thầu sẽ gánh một phần lỗ nặng. Chỉ trong vòng nửa tháng, một vùng cỏ áy đã được dọn sạch-sẽ. Người đứng ra trông-nom công-việc phóng luân (alignement) và chia ra từng khu hình chữ

nhứt giao cho bọn cai lãnh, là Phú. Phú như một vị chủ-soái, phân phát công việc như bày một thế trận.

Luôn-luôn, Phú không rời yên ngựa. Súng trường đeo trên vai. Súng lục đeo bên hông, với một bộ mặt đĩnh thép, Phú không hề cười đùa một lần nào trong những giờ làm việc.

Tuy nhiên, trong những giờ phút ăn cơm hoặc nghỉ-ngơi, Phú lại chen vào bọn phu mà ăn, uống chung-chạ với họ. Phú kể những chuyện tích anh-hùng làm phấn-khởi lòng họ.

Nhứt là đối với phu Việt-Nam, Phú rất dễ-dãi và hay trò chuyện với họ. Người nào bệnh-hoạn, Phú cho nghỉ và bỏ tiền riêng ra giúp đỡ họ. Vì vậy nên số phu Việt-Nam đều phải cực khổ thế nào, họ cũng không buồn. Họ thường bảo nhau: Chúng mình không bỏ việc là vì thương thầy Phú.

Ba phần tư số phu tổng-cộng, là người Lèo, Cao-Miên và Mọi Rhadé, Mọi Stieng và người Kha. Số người khách rất ít. Và họ chỉ thầu việc tải nước và lương-phạn cho cai-thầu thôi.

Cứng đầu nhứt là giống Stieng và Rhadé.

Cứ trông bộ mặt chúng cũng đủ hoảng-vía! Minh trần, ánh lên dưới mặt trời như một pho-tượng đồng đen. Đầu tóc bù-xù như bụi cỏ rối. Mặt mày nổi lát, tay chân ghê-chốc trông thật là ghê-tợn. Quanh năm họ chỉ vận có một cái “cần vọt” che nội chỗ kín thôi.

Nói về việc làm của họ thật không sao nói hết. Họ muốn làm thì làm muốn nghỉ thì nghỉ. Tới giờ rượu của họ, dầu đem dao đặt vào cổ họ hay kê mũi súng vào mang tai họ, họ cũng không nhúc-nhích.

Nhiều lần, cai-thầu cầm roi gân bò bổ vào đầu, vào mình họ đến đổ máu họ cũng không chịu đi làm. Họ trừng đôi mắt đỏ-ngầu ra thách-đố và rửa thẳm bọn cai-thầu. Họ oán người nào thì kiếm cách trả thù cho kỳ được. Vì vậy có những lúc cai thầu dẫn một toán Mọi vào rừng đốn cây rồi không về nữa. Bọn “phiến-loạn” xúm nhau hạ-sát cai-thầu rồi trốn mất. Tới khi tìm thấy dấu chơn của họ thì thi-thể cai-thầu đã sinh lên trong những đồng dòi, trông rất thảm-hại.

Nhiều người bị viên chí-huy của toán lính Nhật canh-phòng tại sân bay hạ lệnh xử-tử bằng cách chém đầu làm gương cho những kẻ còn lại. Lúc đầu thì họ sợ lắm. Sau họ vẫn lỳ ra đó. Chết thì chết. Họ không chịu đi làm. Không lẽ xử-tử hết cả bọn?

Phu Lào và Cao-Miên dễ-dãi hơn.

Họ rất sợ đòn. Vả lại họ còn vợ, còn con nên không dám liều mạng.

Phú biết chịu tánh-nết của từng toán người một, nên không người nào oán-ghét Phú: Phú lựa những người khôn-ngoan trong bọn, cho uống rượu và cho tiền rồi khuyên họ nên khuyến-khích nhau làm việc.

Phú chọn năm người thổ-dân vừa ý rồi nuôi làm người nhà. Biết dùng họ, họ sẽ thành những kẻ tay chân rất trung-thành. Họ trông coi phu làm việc hăng-hái và thẳng tay trừng-trị, có khi thành án-mạng.

Ban ngày làm việc mệt-nhọc lắm, phu cứ thay phiên nhau cuốc và khuân đá sỏi dưới sức nắng cao-độ. Một hai khi có máy bay dò-thám bay qua, họ phải chạy núp vào rừng. Duy có bọn lính Nhật là vẫn đứng tại chỗ canh-gác. Trên đầu và lưng họ, phủ một lớp lá và cỏ-giây, trên cao trông xuống như một bụi cây nhỏ.

Buổi trưa, phu nghỉ 1 giờ đồng hồ dùng cơm và tắm rửa, xong-xuôi lại tiếp-tục việc làm.

Ban đêm bọn phu đốt lửa thành những đống un lớn rồi ngồi quanh nói chuyện cười đùa. Có khi họ tổ-chức thành những đêm hát bộ hoặc cải-lương để giải-trí. Cũng tuồng tào với những vở quen-quen như là: Quan-Công quá ngũ-quan, trăm lức tướng, hoặc Hạng-Võ biệt Ngu-Cơ. Nhiều người đóng tuồng không kém gì những tay kép chuyên-nghiệp. Phu đàn bà cũng đông nhưng họ không có biệt-tài làm “đào”. Những cô có giọng ca, hát hay, lại mắc-cở không chịu ra mắt “khán-giả”. Thành ra bọn đàn ông phải lựa những người nào có giọng trong-trẻo, bắt giả gái làm đào. Ấy thế mà họ hát hay lạ-lùng. Họ có những dáng-điệu không khác đàn bà khiến người xem phải ngẩn-ngờ nghĩ thầm: Giả hay thiệt?

Sau những buổi hát, kếp và đào đâm ra yêu nhau. Họ rủ nhau về ở chung trong một trại, ăn chung, ngủ chung và thương nhau như những cặp vợ chồng trẻ.

Họ lại giở chứng ghen, khi “nhân-tình” của họ thân với một người đàn ông khác. Có khi xảy ra đám ẩu-đả đến thành thương-tích.

Đêm hát nào cũng vui, cũng đông khán-giả.

Xen vào những đêm hát tuồng cổ, người Cao-Miên cũng tổ-chức những đêm hát “Yù-kè” như những đêm ở kinh-đô Nam-Vang.

Tích hát của người Cao-Miên phần nhiều giống nhau, đêm sau cũng như đêm trước. Họ diễn lại những trang sử oanh-liệt thuở tiền-nhân khai-quốc đóng-đô ở Đế-thiên, Đế-thích (Yacodhapura).

Có những vị anh-hùng đứng lên xua-đuổi giặc thường hay khuấy-nhiều người trong nước. Và đêm nào cũng vậy, cũng có một người kếp đội lớp hầu như Tôn-hành-Giả chống-cự với người anh-hùng trong tích hát, giờ này qua giờ nọ.

Bài ca của họ thường pha giọng hát triều-châu. Lời hát của họ cũng mừng-tượng như lối hát Tiều.

Người Lào thì thổi “khè” và cất giọng hát náo người trong khi rừng đêm âm-thầm chìm trong sương lạnh...

Khi cuộc vui vãn, họ kéo nhau về trại. Người nào mệt thì ngủ, còn một số người khác lại rủ nhau bày cuộc cờ-bạc cho tới sáng.

Phú đã ra lệnh cấm ngặt những vụ cờ-bạc có tánh-cách phá-hại như là thức đêm mệt, sáng không làm việc nổi. Và có khi chỉ vì một, hai đồng bạc mà bọn phu trở nên hung-bạo đến nỗi giết nhau giữa rừng già.

Nhưng cấm thì cấm, họ cũng lén-lút ăn thua nhau mãi. Thành ra chưa tới kỳ tiền mà họ đã sạch túi. Họ chán-ngán việc làm và lui vào rừng trốn mất. Phú cũng lờ đi, không truy-nã họ.

Nhưng từ hôm có trận mưa mới, phần đông phu miền Nam không chịu nổi sự thay đổi đột-ngột của thời-tiết, ngã ra nằm liệt-giường. Chịu-đựng

giỏi nhất là phu người Lào nhưng rồi họ cũng đứng ngẩn-ngơ dưới cơn mưa ào-ào vuốt mặt không kịp.

Nước mưa từ trong rừng trôi ra suối, chở theo những xác lá mục và đủ các thứ dơ-dáy, độc-địa làm cho mặt suối đỏ-ngầu.

Vắt bò nghinh-ngang trên các lối đi lầy-lụa. Đất nhão bám vào đế giày và bàn chân thành những lớp dày dính chặt như thoa keo.

Số người bệnh càng ngày càng nhiều.

Đến cuối tháng sáu năm ấy, Phú ngã ra bệnh nặng. Đó là lần thứ nhất, Phú kiệt-lực, từ khi lên sống trên đất Lào tới giờ.

Tùy phải bỏ việc làm từ Paksé, băng vào rừng thay Phú tiếp-tục công việc. Nhưng Tùy không có tài “điều-khiển ba-quân” nên chỉ trong vòng tuần lễ, một phần năm phu-mộ tìm đường trốn mất. Công việc đình-đốn.

Một hôm, Tùy nói với Phú qua một tiếng thở dài não-ruột:

- Nếu còn ở đây để làm chứng cho phu họ trốn tôi sẽ tự-tử mất. Tôi không biết anh đã dùng những thuật gì mà điều-khiển họ giỏi như vậy. Tôi không hề thấy anh lớn tiếng với họ bao giờ mà họ làm. Còn tôi, tôi hết sức dễ ngọt họ đến nỗi không nhin được, nhiều khi trở nên thô-bạo.

Anh ráng thuốc-men cho mau bình-phục để tiếp-tục công việc dở-dang. Tôi sợ nước lũ làm hư-hỏng cái công-trình vĩ-đại của chúng ta trong ngót tháng nay quá!

Phú mỉm cười:

- Có những lúc ta phải “cương” mà có những lúc ta cũng phải “nhu”. Cần phải hiểu rõ tâm-lý của phu mộ mới điều-khiển họ được. Tôi cũng trông cho mau bình-phục chớ nằm một chỗ, bực chết. Mình hoạt-động quen rồi...

Nhưng bệnh Phú càng bữa càng tăng. Lương-y Nhật dồn hết lòng trông-nom bên giường bệnh. Thuốc tiêm vào không ăn thua gì hết.

Có người bàn:

- Tôi sợ thầy Phú bị tụi Mọi “bỏ ngải”. Hay là chúng ta kiếm thầy ngải về chữa bệnh thầy Phú thử coi.

Người khác lại nói:

- Thầy Phú có mích-lòng ai bao giờ. Không, thầy không mắc ngải đâu. Thầy nằm liệt độ 10 ngày, không uống nước gì rồi tức-khắc cũng sẽ khỏi. Chứng bệnh ấy, ai mới lên rừng cũng mắc. Và khi chịu được cơn bệnh ấy rồi không có thứ lam-chướng nào vật ngã nữa hết.

Quả thật đúng 10 hôm, Phú vùng mở mắt ra giữa tiếng khóc ti-tê của chị Phú và cách nhìn đầy vẻ đau thương của Quý và Tù.

Mọi người mừng rỡ cười ra nước mắt.

Chị Phú nói với chồng:

- Qua cơn bệnh này, mình hãy nghỉ việc trong ít lâu để dưỡng-bệnh. Làm việc cho ai hưởng mà tận-tâm quá vậy?

Phú gắt:

- Mình nói đại! Lương-tâm nhà nghề không cho ta lơ-là với phận-sự. Không làm việc thì thôi, khi đã làm thì phải tận-tâm, tận-lực. Ngày mai tôi sẽ bắt tay tiếp-tục công-việc.

Tù nói:

- Anh hãy còn yếu lắm. Mà mùa mưa đang độ gieo-rắc bệnh chướng. Anh cứ để mặc cho tôi và thằng Quý trông-nom công-việc... Quý tuy nhỏ tuổi mà làm việc dặt-lực lắm.

Phú âu-yếm nhìn con, mỉm cười.

Đôi mắt Quý lóng-lánh những giọt nước mắt nửa vui, nửa buồn.

Bên ngoài trời đang lên cơn thịnh-nộ. Sét nổ ì-ầm. Tre rừng xõa tóc tung bay theo gió.

Phú nhướng mắt dòm qua cửa sổ.

Bọn phu đã trốn nhiều, còn một phần đông chưa bỏ việc.

Hết bệnh rồi, Phú lại xông-xáo trở về với công-việc. Chị Phú ngăn chồng không được, đành nuốt nước mắt, thở dài.

Ngoài những giờ soạn sổ sách cho cha, Quý thường cỡi ngựa ra sân bay và cho ngựa phi hăng giờ qua những đường cheo-leo bò theo sườn núi.

Chị Phú rất lấy làm lo sợ cho tánh-mạng của con, biểu người nhà không cho Phú bắt ngựa ra khỏi chuồng nữa. Là vì hôm mới tập cỡi ngựa, Quý đã bị té một lần đến nỗi gãy xương chỏ vai phải nằm dưỡng bệnh ngót ba tuần lễ. Khi lành bệnh, Quý lại bắt ngựa ra tráng tranh và vật-vã hăng giờ với con ngựa chững.

Đến bấy giờ thì Quý đã ngồi rất vững trên yên ngựa. Những lúc ngựa chạy như tên bay, cậu lại buông cả hai tay, và chỉ kẹp chặt hai chân vào hông ngựa mà sai khiến con thú. Chị Phú đứng trên sàn nhà cao, hồi-hộp từng giây, từng phút và cặp mắt lo sợ của chị không phút nào rời đám bụi đỏ tung mù rừng sau vó ngựa của Quý.

Chị Phú thương con, không nỡ rầy-la lớn tiếng. Chị bảo Phú nên khuyên Quý bớt dong ngựa ngoài rừng để tránh những rủi-ro bất-ngờ có thể xảy đến. Và lại lúc này vừa dứt mưa mấy ngày, đường núi trơn như mỡ. Voi bầy thường rú nhau ra giẫm rừng tranh và bẻ cây gãy răng-rắc. Giộc theo lộ số 13, cây ngã chình-chòng làm trở-ngại sự giao-thông. Sở lục-lộ cho người dọn-dẹp hằng bữa.

Chịu lòng mẹ và nghe cha khuyên, Quý bỏ cái lối chơi nguy-hiểm của mình. Nhưng rồi Quý lại thả “bách-bộ” từ núi này qua núi nọ. Có khi lại mang súng của cha theo và rượt bắn gà rừng làm náo-động một vùng.

Ngót hai tháng nay, từ khi lá thư chót Ánh-Mai tới tay Quý, gã con trai 16 tuổi thấy lòng mình bỗng-nhiên tối-sầm lại như ngoại-cảnh đang chìm theo thời-gian phong-vũ.

Trong linh-hồn trong-trắng của Quý, từ ấy thường nổi những cơn buồn lành-lạnh. Quý thả hồn theo cánh chim bay và ngơ-ngẩn khi ánh tà-huy lợt màu. Mặt trời chìm lặn về phía bên kia trời Thái như đã mang theo tất cả ánh sáng của cuộc đời mình. Quý thường có những hành-động kỳ-quặc của

một người lãng-trí, khi vui cười ngặt-ngheo, khi buồn thì ngơ-ngẩn hằng giờ.

Có những đám mây màu đỏ, giống như những đám “mây son” thường bay về bám trên đầu những trái núi cao lồng-lộng: Những trái núi màu tím, lằm-lằm, lỳ-lỳ đã chặn mất đường về quê cũ.

- Không biết ở Sài Gòn hiện giờ ra sao?

Nhắc tới Sài Gòn tức là nhớ tới người bạn gái nhỏ, có mớ tóc màu nâu và đôi mắt huyền lóng-lánh như hột nhãn.

“Hiện giờ Ánh-Mai ở đâu? Và đang làm gì? Mai ơi! Trời đã nổi phong-ba ở quê tôi và đang gieo-rắc sự thê-lương ở quê bạn. Giọt mưa nào cũng dài như sự đau-khổ của loài người. Lòng son đã mở, thả một chiếc chim nhỏ chơi-vơi giữa muôn trùng gió-lộng. Quý ở một mình nơi đây, ngùi trông đỉnh núi nhớ những ngọn cau già trong những làng quê Việt-Nam và nhất là nhớ mớ tóc màu nâu của bạn”

Quý vì buồn mà thành ra lãng-mạn. Gã con trai mười sáu tuổi đã thao-thức bên đèn và ghi vào nhật-ký của mình những giọng chữ buồn như những giọt nước mắt.

Trong những ngày nắng tím cuối cùng đã điểm một vài đợt mây khói đèn từ cửa biển bay vào, Quý đã nghe sấm nổ rền trời và loang-loáng ánh điện ở phương nam vòi-vọi.

Rồi những ngày u-ám đã tới xứ Lào với những cơn sùi bọt trên sóng nước Cửu-Long, thì trong lòng Quý cũng có một cảnh quê-hương chìm trong mưa gió.

Quý muốn trèo lên chót núi để tìm lại những đồng bằng xanh mạ, nơi ấy, ruộng, nước và chân trời dính vào nhau thành một nét gạch thẳng.

Một hôm, chị Phú nói nhỏ vào tai chồng:

- Mình cho thẳng Quý về Paksé ở nhà chú Tùy ít lâu cho khuây-khỏa. Tôi xem chừng như nó buồn lắm thì phải.

Phú hỏi ý Quý, Quý lắc đầu.

Quý chỉ thích cỡi ngựa. Nếu không thì Quý cũng phải lờ rừng hay trèo núi chớ không thể ngồi yên hoặc nằm yên một chỗ đọc sách như cha mẹ đã khuyên.

Tâm-hồn Quý đã bị rừng núi ảnh-hưởng. Quý có những ảo-tưởng to-lớn như những quả núi đứng thành hàng dài. Quý thích nghe gió hét trên sông rộng và tiếng bão vi-vút lướt qua đèo rập núi, rừng.

Phú đoán biết được tánh kỳ-quặc của con liền cười bảo vợ:

- Tương-lai của thằng Quý sẽ khác-thường. Một sự đáng mừng cho vợ chồng ta vậy. Con nhà tướng phải như thế, chớ! Giọng họ ta là một giọng họ oanh-liệt. Ông cha ta xưa đã từng cầm kiếm chém giặc Ngô. Chúng ta vì sanh không nhằm thời, đành làm một kẻ tầm-thường như lưỡi gươm nằm một chỗ chờ sét ám lần-lần. Rồi mình coi: Thằng Quý sẽ hơn tôi nhiều...

Phú để cho Quý tự-do dong ngựa khắp rừng núi. Có khi Quý bị heo rừng rượt và té ngựa, trầy-trụa khắp mình, nhưng Phú cũng không rầy con một mảy-may nào hết.

Không cho Quý cầm súng, Quý lấy làm tức tối. Quý bắt đầu làm quen với Danh-Sum, một tên phu Cao-Miên chỉ hơn Quý độ hai tuổi, tài bắn ná không kém những tay súng giỏi.

Buổi sáng hôm ấy, Quý thấy Danh-Sum đang ngồi vót tên bằng cọng “sóng lá” liền hỏi:

- Anh biết bắn ná hả?

Danh-Sum nhìn Quý một lúc lâu rồi hỏi lại:

- Cậu là con “ông xếp” phải không?

- Phải. Chú biết tôi sao còn hỏi?

- Cậu đa! Chớ phải ai hỏi, tôi biệt thềm trả lời.

- Sao vậy?

- Nếu tôi không biết bắn thì tôi vót tên để làm gì?

Quý bật cười lớn. Không ngờ Danh-Sum “bướng” quá. Những đứa cứng đầu, chắc phải khác người.

Vót tên xong, Danh-Sum đứng lên và kéo một cây ná lớn treo trên vách tre, bảo Quý:

- Cậu mắc dùm sợi giây ná vô cánh cung cho tôi.

Quý nhìn Danh-Sum. Gã Cao-Miên trẻ tuổi cột bó tên lại, không nhìn Quý.

Quý mỉm cười rồi từ-từ đưa tay cầm ná lên ngắm-nghía:

- Ná nặng quá. Của anh hay của ai?

Danh-Sum không trả lời.

Quý tưởng Danh-Sum lảng tai nên hỏi lại:

- Cây ná này của anh hay của ai?

Không biết có nghe câu hỏi của Quý không mà Danh-Sum vẫn không trả lời. Gã nheo một con mắt và nhắm theo đường thẳng của một mũi tên sóng lá cầm trên tay. Chừng như mũi tên ấy không được ngay nên Danh-Sum bẻ gãy hai và quăng ra sân.

Quý loay-quay mãi với sợi giây ná mà không sao mắc vào cánh cung được. Mặt Quý đỏ phừng-phừng. Mồ-hôi thấm ướt áo.

Danh-Sum đặt bó tên mới vót xuống giường tre rồi nhìn Quý mỉm cười.

Không giãn được cơn nóng giận, Quý liền quăng cây ná của Danh-Sum ra ngoài sân. Lúc ấy trời đang đổ mưa lác-rắc trên mái lá. Không-gian oi-bức. Trời đứng gió.

Danh-Sum vùng đứng lên, chỉ cây ná nằm ngoài sân rồi lớn giọng, với Quý:

- Đi lượm, mau!...

Quý ngó cây ná, nhìn Danh-Sum rồi khẳng-khái lắc đầu:

- Không. Tao không lượm. Mầy giỏi làm gì tao thì làm, đi!

Danh-Sum không giãn được ngọn lửa tức giận đang đốt trong lòng. Gã xông lại định hành-hung với Quý. Gã giơ tay toan đánh Quý nhưng không biết nghĩ sao lại ngừng tay lại. Một lần nữa, Danh-Sum lại bảo Quý:

- Cậu đi lượm cây nứa vào cho tôi là im chuyện. Bằng không...

Quý hỏi:

- Bằng không thì sao?

- Bằng không... thì tôi bước lòng phải đánh cậu để hả cái giận của tôi...

Quý chưa đợi Danh-Sum dứt lời, nhảy tới co giò đập Danh-Sum. Chân mặt của Quý không trúng vào bụng Danh-Sum lại rơi lọt vào hai bàn tay của địch-nhân. Danh-Sum đẩy mạnh một cái. Quý mất thăng-bằng nên ngã nhào xuống đất. Quý gượng đứng dậy thì Danh-Sum đã lui mất vào rừng.

Tiếng mõ tre điểm dân khua lên giữa im-vắng. Những giọt nắng tái chui qua đám mây dày, rơi loang-lổ trên mặt sân-bay.

Quý phủi áo đứng lên nhìn, trước nhìn sau rồi lui-thủi về trại.

Sau trận ẩu-đả ấy, Quý không nguì cơn giận. Quý hậm-hực trọn chiều hôm đó, hết ra lại vào. Chị Phú thấy vẻ bần-khoăn của con, ngọt-ngào hỏi Quý:

- Con làm sao vậy?

Quý lắc đầu:

- Không, con có sao đâu. Trời nực quá. Đứng một chỗ con thấy khó chịu lắm!

Chị Phú kéo con lại gần:

- Con có gì cứ nói thật với má. Ba đánh con, phải không?

Quý choàng vai mẹ, mím cười:

- Ba đánh con bao giờ.

- Vậy thì con té ở đâu? Con nói với má...

- Không.

- Con dấu má. Đây, mặt mày con còn vết trầy-trụa rằn-ràng.

Quý làm thình nửa phút, rồi kiểm chuyện chổi quanh.

- À, bị gai táo quào nên trầy mặt, con quên nói. Má đừng giận con, nghe má!

Rồi Quý chạy vụt ra sân biến mất. Cậu lội rừng đi tắt ra phía sau rồi lên vào trại Danh-Sum, ngồi chờ. Quý định đợi Sum đi làm về sẽ thách Sum đánh lộn. Quý chưa hả cơn tức giận và cho rằng mình thất thế nên mới bị Danh-Sum xô ngã. Sức vóc Danh-Sum không lớn hơn Quý bao nhiêu. Và gã chỉ hơn Quý hai tuổi thôi. Thế nào Quý cũng phải rửa nhục.

Nhưng xế chiều hôm ấy, Danh-Sum biệt-tích. Gã thanh-niên Cao-Miên vắng mặt trong giờ điếm xâu chiều và luôn tối hôm ấy cũng không về trại.

Buổi tối, sau giờ cơm nước, Phú kêu Quý lại bên đèn, dỗ ngọt:

- Con à! Ba nghe người ta đồn-đại về chuyện lôi-thôi giữa Danh-Sum và con. Con hãy nói thiệt cho ba biết. Ba không rầy con đâu!

Quý chớp mắt nhìn mẹ. Chị Phú xen vào:

- Đó, con nói đi!

Quý vẫn làm thình.

Bên ngoài trời đổ trận mưa lớn. Vài tiếng súng của bọn lính canh Nhứt-bốn nổ rời-rạc. Tiếng đạn bay vèo giữa không-khí nghe rất rõ.

Chị Phú lo sợ hỏi chồng:

- Chắc lại động rừng chớ gì?

Phú chớp mắt nhìn ra phía cửa, hỏi vợ:

- Đã bảo tụi nó rút cầu thang lên chưa?

- Rồi.

Quý buông quyển sách đang đọc, phụ họa:

- Có lẽ, cướp...

Phú cười:

- Cướp vào đây làm gì? Không phải đâu. Nếu có biển lớn thì phải có sự náo-động khác-thường. Có lẽ lính canh Nhựt bắn cầm canh...

Chừng một lát sau, bỗng có nhiều tiếng người kêu gọi láo-nháo rồi có tiếng kêu cấp-bách:

- Ông Xếp ơi!

- Khoan buông cầu thang đã! Chờ xem động-tĩnh ra sao rồi hãy liệu.

Phú vội-vàng vớ lấy súng cầm tay rồi tiến lại phía cửa dòm qua khe hở.

Quý an-ủi mẹ:

- Má yên bụng. Không sao đâu mà sợ.

Dưới sân nhà sàn, ánh đuốc lập-lòe. Giọt mưa thanh-thót rơi lỏm-bỏm trên mảnh sân đọng nước. Tiếng người giẫm bì-bõm hòa cùng tiếng ngựa dậm chân và hí dài trong chuồng.

- Ông Xếp ơi!

- Ai đó?

- Tôi.

- À, cai Giảnh!

Phú “hạ lệnh” buông cầu thang rước cai Giảnh lên nhà. Phú châm thuốc mời:

- Kéo một điếu cho ấm.

Cai Giảnh không từ chối. Tiếng nước kêu lọc-xọc. Cai Giảnh nhả một ngụm khói đặc, rồi thuật chuyện cho Phú nghe:

- Không biết thằng Danh-Sum nó trốn ở đâu mà lò-mò về tới bị lính của Nhựt-bổn bắn. May ra nó chỉ bị thương nơi bắp tay mặt. Nó kêu đòi phải gọi cho được ông Xếp và cậu Quý...

Phú nóng ruột nhìn Quý:

- Sao thế, con!

Quý cúi mặt làm thinh.

Phú giục cai Giảnh:

- Chúng ta đi thăm thẳng Danh-Sum coi có nằm ở nhà thương không?

- Dạ...

Quý cần mỗi bước theo Phú.

Danh-Sum đang nằm ngả lưng trên ghế dài, thấy Phú, cai Giảnh và Quý bước vô y-viện, liền gượng ngồi dậy, cúi đầu chào. Thêm vào nét mặt xanh-xao của một gương mặt mất máu, sự lo-lắng làm cho người Danh-Sum tái-ngắt.

Viên lương-y Nhựt-bổn chào Phú rồi ra hiệu cho Danh-Sum nằm xuống.

Phú vuốt mặt Sum:

- Em cứ nằm xuống mà nghỉ. Đừng cử-động mạnh không nên.

Rồi Phú kéo ghế ngồi gần Danh-Sum, giọng dỗ-giảnh:

- Tại sao em đang làm, em lại bỏ sở?

Danh-Sum làm tỉnh se-sẽ liếc Quý, lúc bây giờ đang cố dán mắt vào những nhãn thuốc để dấu vẻ bối-rối. Cai Giảnh vừa để ý nghe câu chuyện vừa kéo bình thuốc lảo rút lọc-xọc. Thật như người ta đồn-đại: Cai Giảnh không có thuốc lảo không sống được. Anh ta mang “bình thuốc lảo” từ Bắc vào Nam làm cu-ly sở cao-su. Sau đó anh ta trốn lên Lào nhập vào đoàn buôn á-phiện lậu và làm hướng-đạo cho những lái-ngựa Cao-Miên hoặc Nam-Kỳ, gặp việc gì anh cũng làm, miễn có tiền là được.

Từ khi có cuộc xây-dựng sân bay tại đây, anh ta lãnh việc mộ phu người Bắc làm “la-tách” và được tôn lên chức cai. Anh ta rất hãnh-diện với hai tiếng “cai Giảnh” nên càng ngày càng uống rượu nhiều. Anh rất thích được nghe bọn phu nịnh:

- Thầy cai độ này trông nở da, nở thịt hơn độ trước nhiều...

Tức thì cai Giảnh xề bình thuốc lảo mời kéo... Va vổ cái bụng “trống châu” mang chứng “báng” do bệnh rét-rừng kinh-niên gây nên, cười hèn-hệch:

- Chú em này làm việc giỏi lắm. Ráng nhé! Cuối tuần này tao sẽ nói với “ông Xếp” lên lương cho.

Rồi va nheo mắt ra vẻ bí-mật:

- Ông Xếp thích tớ lắm. Không hôm nào không gọi tớ sang dạy việc.

Trong lúc muốn làm lớn hơn kẻ đối-diện cũng không khỏi để “hiện-nguyên-hình” cai Giảnh đã dùng tiếng “tớ” với kẻ “bề dưới” của mình. Nhưng kẻ hiểu biết sự-thật để bụng cười thầm. Cai Giảnh sang nhà Phú để nhờ Quý dạy ký tên và làm sổ dùm, vì anh ta chỉ giỏi tính rợ thôi. Trong những lúc ấy thì cai Giảnh kiêm những việc “chùi giày” cho Quý, hoặc phụ đong gạo giùm chị Phú để phát cho xâu. Vậy mà khi Quý làm sổ xong, cai Giảnh hí-hởn ôm sổ về trại. Giọc đường, bọn cai Lào hỏi:

- Đi đâu mà ở nhà ông Xếp ra đó, thầy Cai?

Cai Giảnh giọng tự-đắc vỗ vào sổ bìa cứng, lên giọng:

- Gớm! Làm sổ với “cậu hai” cả buổi, mệt đứ-đừ!

Rồi va làm ra vẻ bi-quan:

- Phu đông quá. Chép “danh-sách” các anh cóng cả năm ngón tay.

Nhưng có ai nhờ va viết dùm một lá thư thì va kiếm chuyện khác thôi-thác:

- Khổ quá! Hôm nay bị chó ông Xếp cắn sưng tay không viết được...

Va chìa mấy ngón tay bị thương ra để làm chứng. Nhưng mọi người đều biết là đã bị phu đàn-bà chém, trong khi va giở trò tán-tĩnh họ...

Mãi rồi người ta quen với cái nết “lố-bịch” của cai Giảnh và ví va như một tên kếp khô-hài vô-duyên của một phường chèo. Sự có mặt va giữa đám đông người không mấy quan-hệ.

Lúc bấy giờ, cai Giảnh đang làm ra vẻ quan-trọng chờ Danh-Sum thuật chuyện:

- Bẩm ông Xếp...

Giọng Danh-Sum bỗng trở nên tức-tưởi. Quý không cầm được sự cảm-động từ-từ tiến lại trước mặt cha, rồi chậm-rãi nói:

- Con đã đoán biết nguyên-nhơn của sự vắng mặt của chú Sum rồi.

Quý ngập-ngừng, nhìn Danh-Sum. Phú ôn-tồn với con:

- Con cứ nói tiếp.

Cai Giảnh ngừng kéo thuốc Lào, chen vào:

- Cậu hai cứ lói (nói)!

Quý tiếp:

- Trong một câu chuyện không lấy gì làm quan-trọng, con đã không giãn được cơn hăng máu, đập chú Sum một đập. Chú “bắt” được chân con và ngược đà, xô con ngã ngửa từ thềm nhà lăn ra sân...

Danh-Sum kêu nhỏ:

- Cậu hai!... Tôi xin lỗi cậu:

Quý khoát tay:

- Không. Chú không có lỗi gì hết. Chúng ta giận nhau qua phút ấy rồi thôi. Có lẽ chú tưởng rằng tôi đem chuyện này mét với ba má tôi, và sẽ nhờ ba tôi trị tội chú, nên chú hoảng-sợ mà lánh mặt. Chú Sum à! Không bao giờ Quý này lại tỏ ra hèn-nhát như vậy. Chuyện là chuyện của chúng ta. Lỗi không ở ai hết. Lòng tự-ái của bọn trẻ thật không lường được. Chú thì bướng. Tôi thì lỳ. Hai đứa cứng-cổ gặp nhau thế nào cũng sanh giặc.

Nhưng bây giờ thì tôi đã ăn-năn lắm rồi. Chú cứ ráng dưỡng bệnh cho lành-mạnh. Nếu chú chưa hả giận, tôi sẽ thân-hành đến trại chú cho chú đánh lại trừ. Chú cứ yên-lòng. Chú chỉ có cái tội trốn sở thôi. Còn chuyện giữa chú và tôi kể như không có...

Danh-Sum nức-nở:

- Tôi đau về vết thương đổ máu thì ít, mà đau về lời nói của cậu thì nhiều. Cậu hai!...

Phú lặng-thinh nhìn Quý rồi nhìn Danh-Sum, gật-gù nói:

- Bây giờ tôi đã rõ chuyện. Trước tôi cũng đoán như thế nhưng không xác-định.

Chú Danh-Sum! Chú là một gã con trai tốt-nết. Làm việc giỏi. Hạnh kiểm cao. Chú chỉ đáng tuổi con tôi thôi. Chú hãy nghe lời tôi dạy: Tôi không bao giờ che-đậy cho thằng Quý làm những việc ngang-trái. Nếu nó làm quấy, tôi sẽ thẳng tay giáo-hóa. Tôi không vì cái lẽ nó là con tôi mà “ăn-hiếp” chú đâu. Chú nên tin như vậy. Thằng Quý là đứa kỳ-khôi. Chú Sum là một thằng ngang-ngỗ. Xưa nay những kẻ anh-hùng thường quen biết và thân nhau sau những trận hùng-thư quyết liệt. Tôi lấy danh-dự kẻ lớn tha lỗi cho cả hai đứa.

Thôi, chú cứ nằm dưỡng bệnh ít hôm cho thật mạnh. Tôi sẽ nói với cai Thạch-Plenh ghi công đủ cho chú...

Danh-Sum cúi đầu làm thình. Những lời nói của Phú thấm vào gan, vào ruột Sum thành một liều thuốc cải-hoàn. Gã không nói gì được nữa. Gã làm thình. Làm thình tức là đã nói nhiều những gì sâu kín nhất của lòng vậy.

Phú từ-giã viên lương-y Nhật-bổn rồi an-úi Danh-Sum:

- Yên nhé! Không có gì hết.

Rồi quay qua Quý:

- Chúng ta về, thôi! Để yên cho Danh-Sum tĩnh-dưỡng.

Quý khăng-khái xin cha:

- Con muốn nói chuyện với Sum suốt đêm nay. Ba cho phép con, nghe ba.

Phú hiểu lòng con nên lặng-lẽ mỉm cười rồi kéo cai Giảnh ra cửa.

- Cà lơ!^[13]

- Cậu Quý! Tôi đang trông cậu.

Quý và Danh-Sum choàng vai nhau vào trại lá của Sum.

- Cậu ở đây ăn cơm với tôi một bữa nghe cậu!

Quý lắc đầu nhắm mắt.

- Cậu? Cậu!... Anh gọi tôi là thằng Quý cho gọn. Được, tôi sẽ ở chơi hết buổi trưa nay.

Sum nói:

- Ăn cơm với múi ớt!

- Khâu-lâm^[14] đi!

Quý lúi-húi quạt lửa trong khi Danh-Sum đổ nếp vào ống tre lồ-ô.

Từ sau khi Danh-Sum lành tay, Quý cứ xuống trại Danh-Sum đùa giỡn với người tri-ký mới.

Cho đến bây giờ, Danh-Sum và Quý yêu nhau như cặp vợ chồng mới. Hai tâm-hồn hiếu-động gặp nhau trong một khung-cảnh núi-non cao cả giữa lúc này rất phải lúc.

Danh-Sum mồ-côi cha mẹ chỉ còn một người chú ruột ở Battambang. Nhưng từ khi người Xiêm dùng võ-lực uy-hiếp tỉnh này, người chú của Danh-Sum bỏ đi tu cho tới ngày giờ này. Tin-tức chú và cháu biệt nhau. Chú mặc áo vàng châu-du khắp nước.

Danh-Sum phải làm mướn nuôi thân. Vì vậy gã mới tình-nguyện theo cai thầu Thạch-Plenh lên ở nơi “đèo heo hút gió” này.

Quý vừa quạt lửa vừa hỏi Danh-Sum:

- Bây giờ tôi mới hỏi cà lơ. Tại sao bữa nọ tôi hỏi mà cà lơ không trả lời để đến nỗi chúng ta phải ấu-đả nhau?

Sum vừa dọn sà tre vừa cười, bảo Quý:

- Vì tui giận cậu hay hỏi ngớ-ngẩn nên tức quá không trả lời được.

- Tôi hỏi gì?

- Cậu hỏi: tôi biết bản ná không? Và cây ná này của ai? Khiến tôi im-lặng và phẫn-nộ. Nếu tôi không biết bản ná, tôi sắm ná làm gì? Không nói dẫu gì cậu, tôi cũng cây ná của tôi hơn hơn-tình. Cái gì quên được chớ cây ná thì không bao giờ quên. Đi đâu tôi cũng đem theo.

Muốn “phá” cậu chơi tôi mới đưa cây ná nhờ cậu giương giây dùm. Tôi biết cậu không thể nào làm nổi nên mỉm cười thăm... Thế là ấu-đả!

Quý cười:

- Đâu? Anh đem ná ra giương thử coi.

Danh-Sum cầm ná trong tay. Trước hết gã để đốc ná vào bụng rồi nắm cánh cung nhún một cái, đồng thời mắc giây lạc vào. Danh-Sum lại kéo thử, giây khua bùng-bứt.

Quý kinh-ngạc:

- Anh khỏe quá.

- Quen rồi. Tôi không khỏe hơn cậu mấy, đâu!

Danh-Sum lại dùng cùi chỏ lên cò và đặt một mũi tên vào mương ná.

Quý chỉ chòm guồi xanh bảo Danh-Sum:

- Anh bắn trái hườm-hườm kia cho tôi coi.

Danh-Sum hạ mình xuống bộ, rồi nheo một mắt nhắm... Sau một tiếng “phực” mũi tên đã xuyên đúng vào trái guồi hườm-hườm. Mỏ guồi nhỏ từng giọt xuống những đọt cây non đứng chen-chúc dưới mặt đất tối-tăm và ẩm-thấp.

Quý chưa kịp khen, Danh-Sum đã “lên giây ná” rồi, và tra một mũi tên vào mương ná.

Danh-Sum nói:

- Mình phải lanh tay, như vậy mới được. Cậu coi có kém gì súng đâu!

Danh-Sum lại đem một lon thuốc đặc-sệt và màu đen như thuốc phiện khoe với Quý.

- “Tên” tôi nhúng vào thuốc này, tôi bắn cọp cũng phải ngã.

- Thuốc gì mà ghê-gớm vậy?

- Tôi trộn mỏ cây “vòi-voi” với diêm-xanh chế nên thứ thuốc độc này. Chỉ trầy da một chút cũng đủ chết với thứ thuốc này.

Quý nói.

- Vậy thì anh đâu kém những tay súng giỏi.

Danh-Sum mỉm cười, đỏ mặt.

Một lát sau, Danh-Sum và Quý ngồi chung bên một bữa ăn nghèo-nàn. Nhưng tiếng cười của hai gã trẻ tuổi làm cho bữa ăn trở nên đậm-đà mật-thiết.

Ngày chúa nhật sau, Danh-Sum tổ-chức một cuộc săn giọc với những tay “thiện xạ” Rhadé. Danh-Sum không quên rủ Quý theo chơi.

Bọn giọc là một loài khỉ nhỏ, đánh đu trên những ngọn cây dầu cao tít mắt. Muốn bắn giọc không thể đứng dưới đất mà bắn tới được. Đà tên càng lên cao càng yếu, không giết chết giọc được.

Muốn bắn trúng giọc người ta phải phân lẩn tên đi làm 3 quãng. Một người trèo lên gần ngọn cây ; một người nữa ngồi giữa cây, còn một người lại đứng dưới gốc. Cả ba người đều phải là những tay thiện-xạ.

Sắp-đặt như vậy rồi, một bọn nữa lại chạy đi “lùa” giọc về những ngọn cây chỗ ba tay thiện-xạ núp sẵn và chờ.

Lối bắn ấy là lối bắn chuyền tên.

Người đứng dưới đất nhắm vào “đầu tóc” của bạn mình mà bắn tên lên. Rồi cứ thế mà chuyền lên người trên nữa.

Quý bắt rùng mình trước lối chơi kỳ-lạ ấy. Mũi tên buông “xạch” một cái đã ghim vào “đầu tóc” của nhà thiện-xạ thứ nhì.

Săn giọc cho vui chớ thật ra bọn “thiện-xạ” không thiết gì đến những bữa thịt giọc.

Sau cuộc săn giọc, Quý dặn Danh-Sum:

- Cà-lơ kiếm cho tôi một cái ná tốt, nghe! Tôi cũng sẽ tập bắn chơi.

Danh-Sum nói:

- Hay là cậu lấy cây ná của tôi mà dùng.

Quý gạt ngang.

- Không. Ai lại “ngang” như vậy? Anh kiếm cho tôi một cái mới là hơn.
Danh-Sum gật đầu.

* * *

Ba con ngựa bỗng đứng dừng lại giữa đường hẻm và hí lên những hồi ngắn.

Danh-Sum bảo Phú và Quý:

- Có mùi khét-khét, ông Xếp và cậu hai ơi!

Phú cúi súng mang trên vai cầm ngang tay. Nhưng sự vắng-lặng của một buổi trưa im trời trước sau vẫn còn nguyên- vẹn. Quý nhìn trước nhìn sau rồi nói:

- Chẳng thấy động tịnh gì cả.

Danh-Sum chỉ vào cây ná mình, vừa cười vừa nói:

- Nếu thiệt có ông thầy ra thì một mũi “tên me” của tôi cũng đủ rồi. Mùi khét của chồn...

- Chú quên nghĩ tới sự sợ-hãi quỳnh-quang của ba con ngựa chúng ta đang cỡi đây sao? Loài ngựa đánh hơi “ông thầy” rất giỏi. Nãy giờ chúng nó chứng-chứng không chịu bước. Chúng ta xuống ngựa là hơn.

Phú, Quý và Danh-Sum tuột xuống ngựa lựa một chỗ trống, đứng đầu lưng nhau im-lặng chờ.

Mặt trời hình như đang ngã lần xuống. Giọt nắng in rải-rác trên mặt đất ẩm từ-từ xê-dịch. Trên những tàng cây rậm, tiếng chim kêu thánh-thót. Bỗng những bụi lồ-ô phía trước mặt ba người lay-động dữ-dội.

Danh-Sum đánh tan sự chờ đợi nghiêm-trọng của Phú và Quý:

- Không có gì đâu. Tụi khi nó ghẹo mình đó. Nếu có “ông thầy” thì ông ấy cũng đi xa rồi. Cọp hễ nghe tiếng và đánh hơi người là lẩn tránh mất. Cọp ăn thịt người là khi nào đói quá và thường-thường là bọn beo, găm hoặc hạm hay làm bậy. Chớ thiệt cọp ít ăn thịt người lắm.

Phú cười:

- Chú cũng nghe lời người ta đồn-đại mà bảo rằng cọp chê thịt người! Khi đói thì đến loài người cũng hóa dừ. Huống chi cọp là giống ăn thịt sống thì chúng nó có chừa loài nào đâu. Lúc nó đói đến con chuột nhỏ cũng không tha. Đừng tin nhảm, không nên.

Quý hỏi cha:

- Sao con nghe người ta thường kể chuyện những cọp rước mụ, cọp nuôi con nít nhỏ, cọp trả ơn, báo-oán là nghĩa làm sao?

- Đó là chuyện của những người đạo-đức. Họ bịa ra những chuyện như vậy để giáo-hóa lẫn nhau. Đọc và nghe những truyện ấy, chúng ta không nên tin. Cọp ở trong trí tưởng-tượng của họ khác. Cọp ở rừng già khác. Sống trên mặt đất này, mạnh được, yếu là thua. Luôn-luôn có sự phản-động của kẻ yếu chống lại kẻ mạnh. Cuộc đời là một cuộc vật lộn không ngừng. Sống là để mà chiến-đấu, chiến-đấu với thiên-nhiên, với bịnh tật...

Ba người lại lên ngựa.

Ấy là một buổi sáng chúa-nhật đẹp trời. Thời-tiết đang thuộc vào mùa mưa, nhưng thỉnh-thoảng lại có những ngày tạnh-ráo. Ánh nắng vàng-hoe. Nước suối trôi róc rách. Cây cỏ xanh, mát.

Độ trước, Phú mãi-mê công việc. Những lúc sau này công việc sắp hoàn-thành nên Phú thường hay rủ Danh-Sum và Quý, hoặc bắt ngựa đi chơi, hoặc lội rừng cho đến lúc mồ-hôi đổ ướt áo mà cũng chưa nghĩ tới sự trở về.

Ít lâu nay, hình như Phú có một sự thắc-mắc trong lòng và không tìm đâu ra một người tri-kỷ để trút hết can-trương mình.

Trong những lúc ngồi nghỉ chân bên bờ suối hay trên triền đồi, Phú ngậm-ngùi nói với Quý:

- Ba tiếc vì con còn khờ quá. Ba không thể nói cho con nghe những điều ba muốn nói. Hiện nay việc nước đã đến một giai đoạn mới. Không bao lâu nữa, người Nhật sẽ bại-trận... Nhưng thôi, tai vách, mạch rừng. Ba không thể nói gì hơn nữa trong khi bóng quân-đội Phù-tang còn ở trong nước.

Rồi Phú ra vẻ buồn-bã nói như để một mình hiểu:

- Hừ! Chú Tuy! Thời nào cũng vậy. Cái thằng ấy hồng quá. Chỉ giỏi bùng-bọt kẻ bề trên mình để kiếm miếng. Đàn-ông hèn!

Quý nghe cha nói, suy-nghĩ nhiều lắm. Nhưng tâm-hồn non dại của Quý không giữ cái gì được lâu cả. Ngay như hình-ảnh của cô bạn nhỏ ngày xưa, đến nay cũng không còn tha-thiết trong lòng Quý nữa. Không phải Quý quên. Nhưng ở đây, thiên-nhiên hùng-vĩ đã làm cho Quý chỉ nghĩ tới sự tranh-đấu thôi. Và công việc hằng ngày túi-bụi đã làm cho tâm-trí Quý nguôi thương, nhớ.

Khi ba con ngựa trèo lên lộ số 13 thì trời đã xế chiều. Trên một khúc lộ dài, dấu chân bò và ngựa chi-chít. Quý hỏi Phú:

- Bò và ngựa đâu nhiều quá vậy ba?

Phú nói:

- Ở đây thường có một bọn lái bò và ngựa. Họ ở Sài-gòn hoặc Nam-vang lên đây mua ngựa rồi lừa về Cần-Ché (Kratie) bán. Ở Cần-Ché lại có một bọn lái khác đón mua và bán chuyển lần về Sài-gòn. Giá bán một con ngựa hay một con bò ở đây rẻ-mạt. Dem về Sài-gòn, giá đã lên gấp mười. Bọn lái lời vô-kể. Nhưng làm cái nghề lái cũng như làm “con bạc”. Lúc tổ đãi thì làm giàu không mấy hồi. Đến khi gặp vận đen, bao nhiêu vốn-liếng cũng đi đời. Giọc theo đường về Sài-gòn, có những tụi trộm và cướp trâu, bò, chực sẵn. Chúng chờ bọn lái lừa bò và ngựa đi ngang là giở thủ-đoạn. Chúng đến ra mắt bọn lái và bảo rằng chúng cần năm hay mười con bò hoặc ngựa để làm gì không biết. Không cho, tối đến hay ngay lúc ấy cũng không biết chừng, chúng ra lệnh cho thủ-hạ làm ngay, cướp đi cái số bò và ngựa mà chúng đã xin. Chúng nói là chúng chỉ cần dùng ngần ấy và chỉ lấy ngần ấy bò và ngựa thôi. Bọn lái ngựa ngậm-ngùi với nhau chớ còn biết chống-cự làm sao được.

- Sao họ không nhờ nhà nước cho lính đưa đường?

- Công việc này cực-khổ lắm. Vả, họ muốn làm ăn “vốn một mà lời mười” nên họ không nhờ cậy ai hết. Làm nghề này nửa công-khai, nửa lậu.

Thành ra họ không dám nhờ lính đưa đường là vậy. Có bọn lái mềm thì cũng có bọn lái cứng. Bọn lái này có khí-giới tự-vệ và tổ-chức một đội “cảnh-sát” riêng để chống lại bọn cướp. Gọi là giữ thể-diện thể thôi. Chớ thật ra họ cũng không muốn làm cho to chuyện làm gì. Mình càng “cứng” thì sự nguy-hiểm càng nhiều. Mãi rồi bọn lái chỉ còn có nước là “làm lành” với bọn cướp. Tới chỗ nào có cướp, họ đều biết trước. Họ cho người mời tên “đầu-đảng” tới uống rượu và “đút” cho một món tiền nhỏ gọi là thuế “đất-đai” hay tiền “mãi-lộ” cũng thế. Họ uống rượu với nhau như đôi tri-kỷ. Kẻ cướp thì chúc bọn lái đi đường được may-mắn. Bọn lái lại chúc lại kẻ cướp làm ăn được phát-tài. Sự lễ-phép của đôi bên thật là giả-dối...

Quý hỏi cha:

- Sao nhà nước không mở cuộc tảo-trừ?

- Chừng nào con mèo trừ hết chuột trong nhà thì mới nói chuyện trừ hết đầu trộm, đuôi cướp trong nước. Kể ra thì cũng có những bọn cướp dễ thương. Những kẻ cướp này phần đông là bọn người làm ăn lỡ thời, buôn thua, bán lỗ mãi nên thành ra bọn “lục-lâm thương-mại”. Có một lần, bọn lái-buôn đã than-thở với họ rằng: họ đi kỳ này lỗ vốn. Thế là những kẻ cướp nói trên tha cho đi ngay. Nhưng chuyến sau chạy trời cũng không khỏi. Đó là nói chuyện “cướp”, chớ còn chung-quanh chuyện “cướp” còn biết bao nhiêu chuyện khác nữa.

Có một bọn người chỉ chuyên sống về nghề “làm mối”. Thí-dụ như, một anh lái ngựa khi đi ngang một “ải” nào muốn “đóng thuế” cho ông chúa “mặt rần” ở vùng đó phải tìm người mối, lái để mở cuộc thương-thuyết thì mới xuôi đường đi, nước bước. Bằng không, đổ mà qua lọt. Vì vậy nên có những người quanh năm chẳng làm gì hết, chỉ chuyên việc “đưa đường” mà sống rất nhàn-hạ bảnh-bao.

Trước kia, trên con đường này có một người anh-hùng đã đứng ra chiêu-mộ một số người tình-nguyện, nhờ sở cảnh-sát võ-trang đầy-đủ, đi theo hộ-tống cho bọn lái suốt một quãng đường Lào, sự đánh giết xảy ra hàng ngày. Bọn cướp ban đầu còn ngang-ngỗ, sau phải tránh xa. Chúng liền cho người

đi mời người ấy tới và “lo-lót” một món tiền lớn bảo hãy để yên cho chúng làm ăn. Nhưng rồi cuộc điều-đình không thành vì người ấy không thuận. Ít lâu sau, người ấy bị “thuốc” chết trong một tiệc rượu bởi một người đàn bà Lào ở gần Thakek. Từ đấy, chẳng còn ai dám nghĩ tới chuyện “theo bước” vị anh-hùng kia nữa. Bọn lái buôn lại trở về sống lại trong chế-độ nửa sáng, nửa tối như trước.

- Sao họ không đổi nghề, ba?

- Con đừng bắt họ đổi nghề, tội nghiệp họ. Làm giàu là một chuyện khác. Yêu nghề là một chuyện khác. Bắt họ làm nghề khác họ sẽ buồn ngay. Thà là trải qua những chuyến đi nguy-hiểm như vậy mà họ thích. Bắt họ sống yên một chỗ, họ sẽ thấy khó chịu ngay. Như ba đã thường nói với con: Trong giới nào cũng có người hay, kẻ dở. Trong số lái cũng có những người rất can-đảm và anh-hùng. Ngoài sự vụ-lợi ra, họ còn có cái ý-chí làm thỏa-mãn cái tài-năng của họ. Họ không thể làm những việc tầm-thường khác ngoài nghề lái ngựa.

Đó là nói về bọn cướp.

Nói tới chuyện bọn trộm bò và ngựa càng hèn hơn nữa. Có cướp thì phải có trộm. Bọn này phần đông là bọn mọi Stieng. Chúng sống nghề trộm trâu bò đã quen từ thuở nhỏ. Cái nghề của chúng nó rất thuần-thục. Khi chúng dắt bò hay ngựa bị trộm đi thì có những bọn đồng-lõa của chúng đi sau, lấp mắt dấu chân ngựa hay bò bằng cách dùng tay hay chân, bôi từng cái dấu chân ngựa hay bò rồi lấy gai hay lá phủ lên.

Quý chắc lười:

- Hơi nào mà xóa cho hết?

Danh-Sum cũng cười, nói chen vào:

- Ông Xếp nói chuyện làm tôi nhớ lại chuyện ăn trộm trâu ở xứ tôi quá. Có điều bọn trộm không cần phải xóa dấu chân thú như đã nói. Chúng cứ ngang-nhiên dẫn đi chợ khác bán cho một người chuyên-môn mua thú bắt trộm này. Lập-tức, anh ta cho bọn người nhà đổi hình dáng con thú bắt

trộm bằng cách đóng dấu khác và sửa xoáy. Cái nghề của họ, mình không biết được mảnh-khỏe của họ.

Phú tiếp:

- Chớ sao! Nghề nào nó quen nghề ấy. Ăn cắp quen tay... Họ không thể làm nghề khác được. Suốt cả đời họ chỉ đi làm cái nghề “phỗng tay trên” kẻ khác.

Trong khi họ dẫn đi, họ chỉ cần xóa những dấu chân bò hay ngựa từ lúc mới khởi dặt về sào-huyết thôi. Còn quãng đường sau, họ “mà con mắt” bọn đi theo tìm. Họ dẫn xuống suối để làm cho mất dấu. Nhưng thường thì bọn lái không theo tìm kiếm làm gì vô-ích. Họ rình bắt ngay từ lúc bọn trộm thi-hành thủ-đoạn. Họ trả thù ghê-gớm lắm. Họ cột kẻ trộm vào đuôi ngựa rồi đốt một cây đuốc chai cột sau lưng con thú. Nghe nóng nóng đằng sau, con ngựa cứ dậm đầu chạy hoài. Họ đốn những ngã đường sông-sẻ và dọn sẵn một con đường xuống hố. Con ngựa cứ lúi thẳng ăn trộm nhào bừa xuống đèo cao.

Quý và Danh-Sum le lưỡi:

- Ghê quá!

- Vậy mà chúng nó có tồn đâu. Chúng nào vẫn giữ nguyên chúng ấy. Đã nói rằng: chúng không làm như vậy, chúng không làm nghề khác được.

Ba con ngựa đã làm một quãng đường khá dài trong khi Phú nói chuyện. Phú bàn:

- Ta vào một ngôi chùa xin họ một bữa cơm cho vui. Lâu quá không có dịp đi thăm chùa.

Ba người đã đến một khúc quẹo sát bờ sông.

Nước chảy trông ngộp mắt. Nhìn về bên kia bờ mù-mù xa-tít. Cả một quãng rừng dài như chìm xuống giòng nước lũ. Con sông Cửu-Long về mùa nước rộng hơn con sông mùa nắng.

Trên sông, vài chiếc thuyền độc-mộc xuôi giòng. Một vài chú lái đò làm biếng vì con nước chảy mãnh-liệt đã ngưng đưa khách. Họ cột thuyền dưới

một bóng cây mát và nằm lim-dim, thả hồn theo tiếng nước xoáy. Một vài chú lái đò lại thổi “khèn” như đời chẳng bao giờ khổ cả. Có những người nằm nghỉ thì cũng có người vất-vả quanh-năm với con nước lớn. Họ phải ngược giòng nước xiết để tới một cái đích nào đó trong đêm nay. Trông họ vất-vả mà tội-nghiệp. Nước sông sâu, họ không thể dùng sào chống thuyền ngược nước. Họ phải dùng lối khác để chống lại con nước lũ. Muốn ngược con sông họ phải dùng những chiếc sào dài có móc sắt. Họ móc vào những nhánh cây đứng ngâm mình dưới nước rồi cứ thế mà kéo thuyền đi ngược lên chiu nước chảy.

Phần đông thuyền này của nhà giàu. Các “phù sảo” nhà giàu dùng thuyền để đi chợ xa hoặc đi chưng-hương ở một cái chùa nào gần đó. Bọn con gái nhà giàu hay đi lễ chùa lắm. Vì trong khi đi lễ chùa, họ sẽ gặp nhiều gã con trai mơ-ước. Các cô gái Lào rất thích hội-hè, đình-đám. Họ bạo hơn bọn con trai nhiều. Khi ta vào thăm một gia-đình nào, người tiếp chuyện với ta phần nhiều là những cô gái lớn con của chủ nhà. Phần đông người mình lên Lào làm ăn, hay thích tán gái Lào và mỗi người xa xứ ít nhất, khi hồi-hương cũng lưu lại một thiên tình-sử nào-nùng nơi đất-khách.

Bên kia sông là đất Thái. Xóm người Thái ẩn-hiện mập-mờ trong những lùm cây tim-tím. Không biết họ đang làm gì và nghĩ gì bên giòng nước chảy xiết.

Phú, Quí và Danh-Sum vừa định gởi ngựa để đi bộ thì gặp ngay một người đàn ông hơ-hải đi tìm.

Người ấy nhìn ba người một lúc lâu rồi lại gần thưa:

- Thưa “ông Xếp”, xin cho tôi hỏi chút chuyện.

Phú dễ-dãi:

- Bác có chuyện gì cần đến tôi?

Người ấy lộ vẻ mừng:

- May quá! Tôi đi vào sở kiếm ông Xếp từ sáng. Dọc đường nghe nói ông Xếp đã đi chơi nên tôi vội-vả chạy đi kiếm. Mãi tới bây giờ mới gặp.

- Bác kiểm chúng tôi có việc gì gấp không?

- Xin mời “ông Xếp” quá bộ vào một khúc rừng. Anh em chúng tôi đang đợi ông Xếp.

Rồi người ấy nhìn vào Quý hỏi một câu đột-ngột:

- Cậu là cậu Quý, con ông Xếp phải không?

- Sao ông biết tôi?

- Tôi đoán ra như vậy. Rồi chúng ta sẽ nói chuyện dài.

Phú nhìn sắc-diện người đàn ông rồi lại hỏi:

- Bác làm lái ngựa phải không?

Người ấy cười.

- Ông Xếp có mắt “tinh-đời” thật. Phải, tôi làm nghề lái ngựa. Bọn tôi cả thầy năm hùn. Còn bốn đứa đang nóng ruột đợi tôi mang tin mừng trở lại.

- Ngựa của mấy người nhốt ở khoản nào?

- Chúng tôi đã mất hết vốn-liếng.

- Cướp!

- Chúng tôi bị mẻ này có lẽ là mẻ lớn nhất trong đời buôn ngựa của chúng tôi. Nếu việc này không xuôi có lẽ chúng tôi sẽ nhảy xuống đèo tự tử mất.

- Sao lại để mất trộm cả bầy ngựa dễ-dàng vậy?

- Chúng tôi bị lừa.

- Lừa? Cách nào?...

- Có một đám người tới kiểm chúng tôi và điều-đình mua trọn bầy ngựa. Họ trả được giá lắm. Chủ mua và người bán chèn-chén với nhau đến khi trở về chỗ nhốt ngựa thì nghe bọn người nhà bảo rằng ngựa đã bán rồi. Có người tới cho tiền bọn chúng rất nhiều và dặn rằng: Đi kiếm rượu mà uống đi! Từ nay không phải cực-khổ nữa.

Chúng nó đại-khờ nên để cho người ta lừa cả bầy ngựa. Mà không mắc lừa sao được? Chúng nó nhìn mặt thì thấy rõ-ràng những người đã điều-đình mua, bán với chúng tôi hồi sáng.

- Lừa cả bầy ngựa mà các bác không theo chân kịp, nghĩ cũng lạ!

- Đã nói chúng tôi bị một mẻ lừa lớn mà! Chúng tôi nhìn lên đèo thấy một vùng bụi đỏ cuộn mịt-mù thì đoán bọn ấy đang lừa ngựa đi về ngã Paksé, liền tức-tốc báo nhà cầm-quyền Nhật. Khi theo dấu thì chỉ thấy ba con ngựa kéo một chùm chà khô đi lên núi. Làm bụi tung mù trời. Bọn cướp đã dẫn cả bầy ngựa đi mất.

Phú ngẫm-nghĩ: Bọn này không phải tầm-thường.

- Bây giờ các bác kiếm chúng tôi làm gì?

Người ấy nói:

- Gần trưa chúng tôi nhận được một cái thư. Đây, ông Xếp đọc coi.

Phú đọc thầm:

Cùng các bác lái ngựa,

Chúng tôi cần-dùng số ngựa của các bác để làm một việc ích-lợi chung chẳng những cho “chúng ta” mà thôi, sẽ có ích chung cho toàn-thể dân-tộc Việt-Nam.

Các bạn muốn biết đầu-đuôi cứ tìm cậu Quý con ông Xếp Phú mà hỏi.

Ký tên: Phou-ta-Cốc.

Phú kêu lên một tiếng kinh-ngạc:

- Lạ quá! Không lẽ chú Tù?

Quý cúi đầu suy-nghĩ một lúc rồi nói:

- Lạ quá! Sao lại Phou-ta-Cốc?

Phú giục Danh-Sum:

- Chú Sum dẫn ngựa ra đi.

Ba người lên ngựa. Danh-Sum và người lái cỡi chung một yên.

* * *

Hoang-sơn thôn là một cái xóm bỏ hoang từ lâu không một ai dám léo-hánh tới. Cái xóm ấy giữa những trái núi cao lêu-nghêu như những bức bình-phong. Thổ-dân kể rằng nơi ấy dành riêng cho những gia-đình ma-lai ở. Ma-lai là một giống mọi nuôi một thứ ngải quái-dị ; đêm-đêm chúng biến thể và bay lang-thang khắp núi rừng. Giống ma-lai hay ăn phần người ta. Người nào bị giống ấy ăn phần lần-lần sẽ bị sưng ruột lên mà chết. Giống ma-lai lại có thể nhìn suốt qua da bụng mình bằng cặp mắt yêu ma của nó. Nó thấy từng khúc ruột của người ta nằm trong bụng. Vì vậy nên những người ở rừng lâu năm rất kỵ, không bao giờ mặc áo trắng. Giống ma-lai lại có thể biến thành giống ó, đêm đến cất tiếng kêu làm xao-động núi, rừng. Giống ó ma-lai gần như vô hình. Nghe tiếng nó kêu, nhưng người ta ít khi thấy nó. Mỗi khi nghe nó kêu ở một vùng nào thì người ta lo sợ lắm, vì chúng báo trước một tai-họa tang-tóc. Người ta sẽ hốt một nắm muối hột bỏ vào cửa. Muối nổ lộp-bộp. Con ó ma-lai sợ bay đi chỗ khác.

Thổ-dân rất ghét giống ma-lai. Họ bắt được giống ma quái ấy, lập-tức dày vô rừng sâu. Những gia-đình ma-lai ở chung nhau trong Hoang-sơn thôn, đời-đời cách-biệt với kẻ đồng-chúng.

Nơi ấy, họ cứ ăn lẫn nhau mà chết lần chết mòn hết. Là vì cái giống ngải ma-lai nó không chừa ai hết, đến con ruột nó, nó cũng không tha.

Lần-lần cả làng tiêu-diệt. Những gian nhà lá sụp xuống. Qua mùa nắng lá khô bốc cháy lên. Thế là hết.

Từ đó, không còn ai bén mảng tới cái xóm xa loài người ấy nữa.

Những đêm trăng, ưu trời, thổ-dân lắng nghe như có tiếng người cười, nói lao-xao từ trong cái xóm bỏ hoang ấy theo gió vọng lại. Nhiều ánh đuốc lập-lòe giữa lưng-chùng không-khí.

Lần-lần thổ-dân đem nhau đi ở chỗ khác tránh xa cái xóm đầy những tử-khí, âm-hồn ấy thì Hoang-sơn thôn càng trở nên tiêu-điều. Không một kẻ sống nào nghĩ tới sự bén mảng vào cái đất chết gần bên hông dãy Trường-

sơn. Những đêm trăng lạnh, chỉ có tiếng oan-hồn than-thở cùng muôn vạn côn-trùng.

Hai mươi năm sau...

Trải bao tuế-nguyệt, cái xóm Hoang-sơn nằm trong cùng thẳm non thiêng giữa biên-thùy Trung-bộ Việt-Nam và Lào, như bị bỏ quên trong trí nhớ loài người.

Người Lào ít khi quay mặt nhìn về phía những trái núi lam nổi lều-bều giữa biển sa-mù. Những tiếng vượn hú đã bị rừng già hút mất. Cái màu cổ-sơ càng ngày càng bị ánh sáng văn-minh làm phai-lạt. Những tiếng vọng từ thung-lũng sâu không bí-mật nữa.

Do theo những bức hình chụp trên các máy bay dò-thám thì Hoang-sơn thôn ngày nay chỉ là một miếng đất “lòng chảo”. Tranh và đế chen nhau làm mất tích những nòi-niêu ấm bát của người xưa.

Băng đi một thời-gian dài, không nghe ai kể chuyện Hoang-sơn thôn nữa.

Sau cuộc bạo-hành mồng 9 tháng 3, những mẩu chuyện hoang đường về Hoang-sơn thôn lại sống lại trên cửa miệng mọi người. Những oan hồn mà người ta bảo rằng đã đi đầu thai bỗng-nhiên trở lại làm náo-động miền hoang-địa.

Những đêm trăng, tiếng cười ngất nổi lên, dội vào vách núi và loang ra đồng nội dòn như tiếng thủy-tinh bể. Tiếng cười nghe lạnh-lẽo tiếp-theo vài tiếng hú nức-nở như tiếng kêu đau của nhiều phạm-nhơn bị tra-tấn.

Trước, người ta tưởng là yêu-quái hiện hình dọa-nạt bọn thổ-dân miền thượng-du (xin đừng lầm với miền thượng-du Bắc-bộ ; thượng-du là những miền trên, miền rừng núi).

Sau, có người quả-quyết rằng chính mắt họ trông thấy một nhóm người mang võ-khí, áo ngắn bằng gai, nhuộm màu chàm và quần màu thạch-lục.

Chân quần gệt xanh, đi giày đế da đóng đinh sắt. (Sau này Vệ-quốc-quân đóng trên miền sơn-cước Đồng-nai đã có lần bắt chước lối sắc-phục này để

nhớ người xưa anh-dõng).

Sự ấy càng được xác-nhận khi đoàn xe vận-lương của Nhựt-Bổn bị giựt mìn nhào xuống hố, hư-hao mấy chiếc. Quân đội Phù-tang cho đó là một bọn cướp rừng do lúc quốc-biến nổi lên quấy nhiễu lương-dân.

Chính tiếng mìn đầu tiên ấy đã khiến Phú suy-nghĩ nhiều.

Phú nghĩ tới những chuyện vĩ-đại hơn là việc làm của một bọn cướp núi. Phú hình-dung ra những hình bóng nghĩa-sĩ đã dựng cờ khởi-nghĩa ở núi Lam, làm vẻ-vang quốc-sử một thời.

Khi nghe bọn lái thuật lại chuyện mất ngựa trong trường-hợp phi-thường như đã thấy, Phú liền nghĩ ngay tới những ánh đuốc thường đêm lập-lòe trong Hoang-sơn thôn và tiếng người cười nói xôn-xao sau vách núi.

Phú bàn cùng bọn lái ngựa một cuộc mạo-hiểm vào cái xóm bỏ hoang ở sau lưng núi Chì và núi Em. Bọn lái le lưỡi:

- Ông Xếp không sợ sao?

- Sợ gì? Người ta cũng là người như mình. Ta vào đó một lần thử xem sao.

Quý vui-vẻ nói với Danh-Sum:

- Đi anh Sum!

Danh-Sum gật đầu:

- Ừ, đi. Tôi lại có dịp dùng mớ tên mới nhúng thuốc hôm nọ.

Phú nói cho Quý và Danh-Sum biết rõ lần đi này là “thương-thuyết” chứ không phải đi đánh giặc.

Phú gằn giọng:

- Chúng ta sẽ đi tay không vào sào-huyệt của bọn “lục-lâm cường-đạo”.

Người lái ngựa thêm ý kiến:

- Không mang khí-giới theo lỡ chúng nó “làm hỗn” thì mình biết lấy gì để tự-vệ.

Phú giải chỗ lo sợ của bác lái ngựa:

- Mình đi tay không là mình can-đảm lắm đó! Tôi đã nghĩ kỹ rồi. Cứ do theo bức thư của tên-chánh đảng thì bọn cướp này hình như quen với chúng ta trước. Tôi nóng muốn vào Hoang-sơn thôn lắm.

Phú, Quý và Danh-Sum cùng với một người lái ngựa đi chung trên một chiếc xe bò. Khởi-sự đi từ sáng mà mãi đến xế họ mới tới địa-phận Hoang-sơn thôn.

Phú chỉ cho cả bọn thấy dấu chân ngựa chi-chít trên mặt đất và nói:

- Tôi nói có sai đâu! Quả thật. bầy ngựa của bác biến vào đây chớ không đi đường nào hết.

Người lái ngựa pha trò:

- Càng đi sâu vào núi, tôi càng thấy lạnh! Ông Xếp coi đây mình-mấy tôi nổi gai lên rồi đây này!

- Bác nhát quá. Lái ngựa không nên nhát quá như vậy.

Quý và Danh-Sum nhìn nhau, mỉm một nụ cười bí-mật.

Còn chừng một đôi nữa thì tới núi Chì, chiếc xe bò đang đi phơn-phớt trên đám cỏ để, bỗng nghiêng về một phía rồi chúi xuống một cái hầm. Cả bọn rơi theo xe bò. Đồng thời một tiếng nổ kinh-hoàng nổi lên gần chỗ ấy.

Phú là người thứ nhất đứng dậy dưới đáy hầm. Phú hỏi Quý và Danh-sum:

- Có đứa nào bị thương-tích gì không? Và bác? lái Danh-Sum, Quý và bác lái ngựa đều không việc gì. Chiếc xe bò vẫn còn nguyên-vẹn. Duy có hai con bò thì một con đứng dậy không nổi. Nó bị gãy chân sau.

Phú dòm quanh rồi nói:

- Cái hầm này do bọn người trong núi đào sẵn và trồng phủ lên một lớp cỏ mỏng để lừa những kẻ muốn vào đây thám-hiểm. Liền sau khi xe bò sụp hầm một tiếng nổ báo-hiệu nổ lên cách chúng ta không xa tỏ rằng dưới đáy

hầm có gài sẵn một cái máy giặt địa-lôi-phục. Như tôi đã nói, bọn giặc núi này không nên coi thường.

Quý hỏi cha:

- Bây giờ làm sao leo lên mặt đất bằng được?

Người lái ngựa rên-rỉ:

- Từ thuở cha sanh, mẹ đẻ tới giờ chưa bị võ nào sợ-hãi bằng võ này.

Danh-Sum và Quý bật cười lên.

Phú ngẫm-nghĩ nửa phút rồi nói cho cả bọn biết rằng: thế nào bọn giặc núi cũng ra tìm và sẽ kéo cả bọn lên. Quả thật có chân người đi rầm-rột trên miệng hầm.

Một người đàn ông có tuổi nghiêng đầu dòm xuống hố, kêu lên:

- Cậu Quý!

Quý nhìn lên. Cậu mừng-rỡ đáp to:

- Ông già ở Phou-ta-Cốc! Tôi đây!

Rồi hỏi lại:

- Ông vẫn bình-yên chớ!

Người ấy gật đầu rồi ôn-tồn xin lỗi:

- Tôi ra đón quý khách chậm, thành ra khí vô-lễ. Xin quý khách bỏ qua cho. Tôi sẽ sai thủ-hạ bắc thang cho quý khách lên hầm, còn chiếc xe bò cứ để yên đó. Tôi sẽ cho người trực lên sau. Nếu có hư-hao gì, tôi sẽ cho thợ sửa. Quý khách hãy yên tâm.

Một cái thang giây từ-từ thòng xuống hầm.

Phú đáp lễ:

- Cám ơn ông. Ông nghĩ tới chúng tôi nhiều quá.

Ngay chiều ngày đó một bữa tiệc long-trọng thiết-hành ngay trong trại chánh Hoang-sơn thôn. Chủ, khách trò-chuyện và ăn uống trong một bầu không-khí thân-mật.

Bấy giờ Quý mới tò-mò hỏi:

- Thưa bác, làm sao bác thoát khỏi tay quân Nhật. Xin bác cho cháu biết?

Ông già ở Phou-ta-Cốc kể chuyện:

- Sau khi bức thư của cậu gởi cho cô bé Ánh-Mai lọt vào tay sở trinh-thám Nhật thì chúng nó bắt tôi và đưa về Paksé. Tôi đang trù-tính kế-hoạch chữa mình thì may quá, trong khi giải tôi đi giọc đường, viên đội Nhật-bồn và năm người lính hỏi tôi: Chú muốn trốn-thoát không? Tôi đáp: Còn ao-ước gì hơn nữa! Người ấy lại nói: Tôi rất ghét chiến-tranh. Tôi không muốn thấy loài người xâu-xé lẫn nhau. Tôi không muốn thấy loài người hại ngấm nhau. Thôi, tôi nói sơ bao nhiêu ấy đủ rồi. Chú cứ đi thong-thả... Thế là tôi được tự-do. Từ sau khi ấy tôi trốn luôn vào rừng, cùng với năm bạn đồng-chí chiêu-mộ thêm nhiều đồng-chí nữa lập thành một chiến-khu để làm căn-cứ chống Nhật. Mục-đích của chúng tôi là giải-thoát nước-nhà chống lại những sự áp-bức bất-công giữa người và người. Trước hết, chúng tôi chống với người Nhật vì hiện quân-đội nước mặt trời đang còn ở trong nước ta...

Chuyện ấy còn dài, không phải trong một lúc mà nói hết được.

Không ngờ con đường đưa chúng tôi vào đất thù lại hóa ra đất bạn. Bữa tiệc sơ-ngộ này sẽ ghi một kỷ-niệm trong đời tôi. Vậy chúng ta cùng nâng cốc.

Cả bọn cười hể-hả.

Ông già hớp một hớp rồi tiếp:

- Số ngựa mà tôi đã lấy của bác lái kia, tôi sẽ bồi-thường đủ số. Sở-dĩ phải làm ngang như vậy là vì tôi có chuyện cần dùng gấp. Bác lái cứ yên lòng ở trại tôi chơi. Ngày mai chúng mình tính-toán với nhau rồi tôi sẽ cho người đưa bác về. Còn ông Xếp và cậu Quý hãy ở lại vài hôm. Tôi còn nhiều chuyện hay lắm.

Phú gật đầu sung-sướng.

Ông già ở Phou-ta-Cốc chỉ cho bọn Phú thấy một đám người đang lui-húi cuốc dưới triền núi, giảng nghĩa:

- Ngoài những giờ tập-dượt binh-pháp, anh em chúng tôi họp nhau lại, trồng lúa, bắp hoặc khoai. Chúng tôi đốt rẫy lấy tro làm phân gọi là “phở rày chãi”.

Dầu chúng tôi có bị bọn Nhật vây mười năm ở trong núi này, chúng tôi cũng không sợ chết đói.

Nếu người mình biết lo xa đừng để cho đất “ở không”, trồng được thứ gì cứ trồng, thì làm gì có nạn đói ở Bắc?

Đồng-bào mình từ khi bị lệ thuộc tới giờ đâm ra ươn-hèn.

Sau ngày đảo-chánh, phong-khí giống như ở thời “loạn Kiêu-binh”. Những người mới hôm nào đây, nói rằng mình là một kẻ bề tôi rất trung-thành với Pháp, hôm nay đã thành một kẻ bề tôi rất trung-thành của Nhật...

- Bởi vậy vợ chồng tôi và thằng Quý mới tránh bầu uế-trược bao quanh mình, đem nhau lên đây để chờ một cơ-hội thuận-tiện khác...

Ông già tiếp:

- Ấy là tôi chưa nói tới chuyện đên-ôn, báo-oán giữa người mình. Bao nhiêu là kẻ chết oan, chết ức. Làm việc gì lưu lại hậu thì không thấy. Còn chuyện “gà nhà bôi mặt đá nhau” thì đồng-bào mình giỏi lắm. Người ta bảo: trong một người Việt-Nam đều có một điềm-chỉ-viên, có lẽ không sai mấy. Nói hết chuyện thì không biết bao giờ mới dứt. Ông Xếp và cậu Quý thỉnh-thoảng vào thăm tôi, tôi sẽ còn nhiều chuyện bàn sau, chuyện ấy là chuyện ngày mai, chuyện lịch-sử...

Nửa đêm hôm sau, mười ánh đuốc tuông rừng, lược bụi, tiễn Phú, Quý và Danh-Sum xuống núi...

* * *

Liên-tiếp mười hôm, tiếng súng động rừng. Vì nghe thanh-thế đảng kháng Nhật càng ngày lớn, nên quân-đội Phù-Tang mở một cuộc tổng-tấn-

công vào những miền rừng-rậm, hiện là nơi đóng binh của dân-quân du-kích Việt-Nam.

Sáng nào hai chiếc máy bay cũng cất cánh từ sân bay mới, và nhắm vào phía Hoang-sơn thôn, trút xuống rất nhiều quả bom đủ cỡ. Tiếng súng liên-thình nổ dòn như pháo tết. Dùng vào trận tấn-công này, quân Nhật đã đem ra những cỗ đại-bác đủ hạng.

Ngày nào bên phía quân Nhật cũng có tử-thương. Những chiến-sĩ bị thương được đưa về dưỡng bệnh trong nhà thương của Pháp. Không biết sự thiệt-hại bên phía dân-quân thế nào.

Phú và Quí rất nóng ruột. Ngày-ngày nhìn máy bay đi, nhìn máy bay về, nghe tiếng súng nổ. Quí lấy làm lo-lắng cho số-phận của bọn người đang đóng-binh trong núi.

Phú than-thở với vợ con:

- Không ngờ mình đã vô-tình giúp quân Nhật xây phi-trường để làm nơi cất cánh đi bắn giết người Việt-Nam.

Chị Phú và Quí nhìn nhau, không nói.

Trong khi cả nhà Phú đang lo-lắng cho số-phận của bọn dân-quân đóng ở Hoang-sơn thôn, thì một bức thư bí-mật do một đường liên-lạc đặc-biệt tới tay Phú. Phú mừng-rỡ, khoe với vợ con:

- Bác ấy vẫn còn nhớ đến chúng mình.

Chị Phú dặn:

- Cẩn-thận kéo lọt mắt người ngoài thì khốn!

Phú đọc thầm:

Thân-ái gửi bà con,

Trọn mấy hôm nay có lẽ bà con lo-lắng cho tánh-mạng chúng tôi lắm. Xin bà con cứ yên lòng. Bọn anh-hùng ở Hoàng-sơn thôn lúc nào cũng chiến đấu anh-dũng, lúc nào cũng sẵn-sàng chết làm nấc thang cho toàn thể dân-tộc bước tới sự thắng-lợi cuối-cùng.

Chào anh-dông.

Nhưng ngay tối hôm ấy Phú lại được người tới và mời vào Hoang-sơn thôn gấp.

Phú, Quí và Danh-Sum vào tới nơi thì ông già Phou-ta-Cốc đã sắp trút hơi thở cuối-cùng.

Phú và Quí cảm-động không cầm được nước mắt. Ông già vuốt đầu cậu Quí, cười như không có việc gì đã xảy ra trong đời ông. Ông nói:

- Cậu Quí! Lúc nào tôi cũng nghĩ tới cậu. Tôi nhìn thấy ở cậu một đứa con tương-lai của tổ-quốc. Khi xa cậu, cũng như lúc gần cậu, tôi đặt nhiều hy-vọng vào những ngày mai của cậu. Cuộc đời tôi lận-đận đã nhiều, khi còn ăn-náu ở quê người cho tới khi về nước, không bao giờ tôi ngưng một phút chiến-đấu.

Trong lúc nước nhà sắp bước tới một giai-đoạn mới, thì trời đoán mạng tôi khi gánh nặng còn mang trên vai, con đường nhiệm-vụ tôi đi chưa trọn. Lát nữa đây, và ngày mai kia, tôi không còn nữa. Nhưng quanh mình tôi, bạn hữu hãy còn nhiều. Anh em hãy còn đông đủ. Khí giới anh em chưa mất-mát. Mắt anh em hãy còn sáng lăm. Sức mạnh anh em có thừa. Anh em không lùi trước súng đạn. Nhưng nếu anh em còn chiến-đấu tới phút cuối-cùng để giữ lấy hòn núi này, thì đây cũng không phải là nơi anh em đóng binh mãi-mãi được. Và lại, người Nhật không phải là kẻ nghịch đáng sợ của chúng ta. Chúng ta dành sức chiến-đấu lại cho những ngày mai quyết-liệt hơn.

Vậy, anh em hãy nghe tôi, lẳng-lặng chia nhau rời bỏ núi này. Các đồng-chí của chúng ta ở các nơi không hiểm.

Họ sẽ tiếp-rước anh em như những kẻ ruột thịt, và anh em lại cùng họ làm những trang sử vẻ-vang cho giống-nòi... Thôi, anh em ở lại.

Ông già trao cho Phú một bản địa-đồ có vẽ nhiều chữ bí-mật, hình như là chữ Phạn. Ông ra hiệu cho Phú cúi đầu xuống sát tai mình rồi phều-phào nói:

- Nghĩa-địa Việt-Nam!...

Mắt ông đờ đi và êm-lặng.

Năm ấy, ông hưởng-thọ năm mươi tám tuổi.

Ông mất đi giữa lúc mùa mưa, gió gùn tàn. Mùa thu sắp đem lại một bầu không-khí mới trên khắp giang-sơn đất Việt.

Lễ an-táng vị lão anh-hùng được cử-hành cấp-tốc. Chung-quanh mộ ông, tiếng súng vẫn còn lác-đác nổ.

* * *

Người ta đồn-đại nhiều về việc vợ chồng Phú sắp đem nhau về ở tỉnh Paksé.

Hãy nghe cai Giảnh kể chuyện:

- Ít lâu nay, tớ thấy trong nhà ông Xếp có nhiều sự thay-đổi mới lạ. Người ta đồn ông Xếp được một người Tàu, nhân một đêm khuya mưa gió, ghé nhà ông xin trú-ngụ rồi chết luôn tại đó. Người Tàu ấy từ biên-giới Mã-lai kiếm đường về nước, có mang theo một bức địa-đồ bí-mật.

Có lẽ đó là nơi chôn một kho vàng bí-mật, vì bọn khách-trú thường hay dấu của-cải theo kiểu ấy lắm. Chuyện ấy có phần đúng sự thật, vì theo lời kể ăn, người ở trong nhà thuật lại thì ông Xếp thường giở một bức địa-đồ có vẽ “bùa chú” bí-mật và bàn-bạc thì-thầm với nhau không cho người ngoài biết. Nếu đúng như lời tớ nói thì phen này ông Xếp mình sẽ làm giàu to. Thế nào, tớ cũng xin theo hầu-hạ ông Xếp để nhờ về sau. Ở mãi đất Lào để mà chết rét à?...

Nhưng từ khi bị Danh-Sum cấm, cai Giảnh không hề dám mở-miệng bép-xép. Sự ấy càng làm cho mọi người tin thiệt.

Người hoang-mang nhất về cái tin này có lẽ là Tùỵ.

Ban đầu Tùỵ cho là cai Giảnh nhiều chuyện, thêu-dệt ra như vậy để vui-miệng. Sau nghe nhiều người nói mãi, Tùỵ tin sự đồn-đại về chuyện chôn vàng có thật.

Một hôm, Tù y rử Phú đi săn gà rừng để hôm sau là ngày chúa-nhật làm một bữa tiệc lớn. Chị Phú, Quý và Danh-Sum ở nhà chờ hai người mang gà rừng về.

Hai con ngựa phăng xuống đèo và tuông xuống một nẻo đồng bằng. Nơi đây nhiều cỏ “đuôi-chồn” mọc loang-loáng dưới nắng.

Khi hai con ngựa lơi bước gần một cái vũng nước lớn do giòng nước Cửu-Long đào sâu vào rừng, bốn bên vách đá dựng cao ngất, trông như một cái hồ ở xứ Thụy-sĩ, Tù y rử Phú:

- Thả cho ngựa uống nước, chúng ta vào thạch-động chơi, đi!

Phú gật đầu. Hai người lúi-húi kiếm chỗ dẫu ngựa.

Thạch-động là một cái hang đá, nằm chênh-vênh trên nửa chừng vách núi, cạnh bờ hồ. Hang sâu như giếng thăm, hình như do thiên-tạo tự ngàn đời trước. Chẳng ai rõ lịch-sử cái hang núi ấy. Miền này là một miền hoang vu. Thổ-dân có đi qua chớ không hề ghé lại nên ít người biết hang ấy là hang gì.

Về mùa nắng, mặt đá quang sạch. Từ đáy hang sâu, một chất khói ẩm-ướt đục như sương, từ-từ dâng lên cao và tỏa vào khói sóng. Đưa bàn tay hơ vào khói trong vài phút, khí lạnh tự chất khói quái-dị ấy sẽ làm cho da thịt tê-cóng như ngâm vào tuyết-lạnh đến cực-độ.

Khi Phú đến vùng này, đã đến viếng cái hang kỳ-lạ ấy một lần với Tù y. Còn nhớ lúc ấy, Phú cầm một hòn đá ném thử xuống hang, mãi tới mấy phút sau mới nghe tiếng động. Không đoán được đó là tiếng nước kua, hay là tiếng lá cây bị chạm mà xao-động. Phú ngó ý muốn cùng Tù y mạo-hiểm xuống hang, nhưng Tù y lắc đầu và bảo rằng:

“Còn trẻ lắm. Không nên làm những việc ngông-cuồng tổn mạng mình vô-ích”.

Phú cười không nói gì, nhưng từ đó tính tò-mò cứ xui-giục mãi. Nhưng vì bận công-việc túi-bụi nên Phú bỏ qua chuyện ấy.

Bấy giờ đã vào độ mưa giầm. Nước từ những triền đá nghiêng-nghiêng đổ ào-ào xuống hồ, thành những giòng suối lũ, có sức mạnh lôi cuốn đá núi, đánh bật rễ cây và làm cho vách lở, bờ nghiêng. Từ miệng hang sâu, nước tuôn ồ-ồ xuống vực-thẳm nghe như tiếng sấm động. Chất khói quái-dị hình như đã tắt. Thay vào vùng khói ấy, một vòi nước trắng tung nước lên cao thành hột nhỏ, lạnh và cứng như hột nước đá.

Cột ngựa xong-xuôi, Phú nắm tay Tù lững-thững đi vào. Tù đứng xa-xa chớ không dám lại gần. Chỉ có Phú là liêu-lĩnh. Phú đứng hẳn gần miệng hang đá nước văng tung-tóe và đưa tay ngoắc Tù:

- Chúng mình tắm một keo đi chú Tù!

Ban đầu, Tù không dám, nhưng khi thấy Phú cỡi hẳn đồ, bỏ trên một gộp đá và đang đùa-giỡn với ngọn nước trông không mấy gì nguy-hiểm thì Tù cũng thấy vui-vui.

Người ta nói: “Những ý nghĩ táo-bạo thường hay đến bất-ngờ trong đầu-óc những kẻ nhút-nhát khi kẻ ấy gặp một hoàn-cảnh bất-ngờ và thuận-tiện”. Không biết trong đầu-óc Tù vừa thoáng một ý nghĩ gì quái-lạ mà bắt đầu từ phút ấy, Phú thấy bạn mình hình như giảm bớt sự cười, nói. Lòng Phú ngay-thẳng. Phú chỉ nghĩ rằng: Tù không vui như trước là vì Tù thấm lạnh. Da mặt đã tái và đôi mắt hình như đã mất hẳn sự bình-tĩnh.

Phú nghe Tù nói văng-vẳng bên tai, giữa tiếng nước reo như tiếng lùa xé:

- Anh Phú! Anh không tốt...

Phú nhìn thẳng vào giữa mặt Tù, cười lớn:

- Thằng Phú này mà lại có điều gì không tốt đối với bạn à? Chú nói chơi sao chú Tù.

Tù cắn môi nói mau:

- Anh được một “người bí-mật” ngầm cho một kho vàng mà anh dấu em!

Phú cười ngất, chỉ vào đồng quần áo:

- À! Cái bản-đồ bí-mật của người khách già ở “Hoang-sơn thôn” ấy à. Nó vẫn nằm trong túi áo anh kia-kìa! Nhưng chú lắm, chú Tù! Đó không phải là bản-đồ sẽ đưa chúng ta đến một kho vàng như chú đã tưởng. Rồi tôi sẽ nói cho chú rõ...

Tù lại bắt đầu vui-vẻ như trước. Nhưng, thừa một phút bất ý của Phú, Tù vung chân mạnh một cái ; Phú rơi ngã nằm ngang giữa vòi nước và trong chớp mắt, Phú tuột vào cõi vô cùng.

Tù đứng sững-sờ trọn mấy phút đồng-hồ, giữa những tiếng âm-ĩ của bốn bề nước động.

Trong tâm-trí Tù cũng đang có một ngọn nước xoáy dữ tợn. Tù ngửa mặt nhìn lên đầu một hòn đá. Đôi mắt của con ngựa xám của Phú đang nhìn thẳng vào đôi mắt Tù. Chàng trẻ tuổi tưởng chừng như con thú tinh-khôn kia đã đọc được tư-tưởng và hành-động “phản-trắc” của mình. Trong khoảng-khắc, Tù phóng nhanh lại đóng quần áo của Phú, run tay lục-soát khắp các túi trong, ngoài của bạn. Công-việc làm của Tù mang-máng việc làm của một kẻ cắp: mặc quần áo, nhét cái bản-đồ bí-mật của Phú vào túi quần mình rồi phóng lên mình ngựa, bay đi giữa lúc trời đang sửa-soạn làm một cơn mưa dữ-dội.

Mây đen chụp xuống bốn góc trời, tối sầm. Không gió. Những tiếng nước đổ sau vó ngựa của Tù nhưng không bao giờ dứt. Tù tưởng những vòi nước trắng vọt ra từ thạch-động đang hóa thành một sợi “khăn tang” quấn lấy chân ngựa mình và tiếng nước động ồn-ào đã biến thành những tiếng kêu ghê-gớm:

“Có kẻ giết người! Có kẻ vừa mới giết người! Hãy bắt lấy nó!”

Tù cắn răng ôm cổ ngựa. Những tiếng sấm động nghe như những tiếng búa thiên-lôi bổ loảng-nhoảng xuống đầu những trái núi đá đứng dựng hai bên hông ngựa của Tù. Bên tai Tù thoảng nghe như có tiếng giầy xích khua từ một cõi Âm-Ty đầy những ác-quỉ.

PHẦN THỨ BA

DANH-SUM đang cắm cúi ngồi vót tên sóng lá, bỗng nghe một tiếng động nhỏ trên đầu. Một mũi tên không biết do ai bắn vào, đang ghim lủng-lẳng trên vách lá. Đằng sau “bánh-lái” có treo một gói giấy nhỏ chừng như là một cái thư. Đoán rằng người bắn tin kia không có ý hại mình nên gã Cao-Miên trẻ tuổi chỉ liếc nhìn vào phía sau nhà, mím một nụ cười ngụ-ý: “Sao lại không vào đưa thư mà lại bày vẽ ra như thế? Rồi hình như muốn khoe tài với người “sứ-giả” vô-hình kia, Danh-Sum liền giương ná đặt một mũi tên vào mương và nhắm cái gói đang treo lủng-lẳng đằng sau mũi “thần-tiền” ghim trên vách lá, miệng gọi lớn:

Cậu Quý ơi, xem đây!

Mũi tên của Danh-Sum xuyên qua gói giấy nhỏ và bay thẳng vào buồng của Quý, thành ra Sum khỏi mang mũi tên kia vào cho Quý, mà Quý cũng nhận được bức thư bí-mật của người đưa thư bí-mật:

Quý vội-vàng bóc thư trong khi Danh-Sum từ-từ đi vào. Sum bảo:

Tin gì lạ, xin cho biết với!

Quý sáng mắt khi gặp ngay hàng chữ đầu:

Cậu Quý,

Cậu nên ra khỏi cánh rừng này gấp-gấp. Đêm nay quân Nhật sẽ đốt hết dinh trại ở đây để hủy-bỏ cái phi-trường này. Chúng sẽ giết hết những người giúp việc cho chúng để dấu sự bí-mật về quân-sự mà chúng không muốn cho ban do-thám địch biết.

Và xin cậu nên nhớ cho điều này: Thẳng về hướng Bắc, cậu sẽ gặp những người bạn thân mà cậu muốn gặp.

A.M.

Quý vùng đứng lên khi gặp hai chữ A.M. dưới cuối thư.

- Ánh-Mai! Thư của Ánh-Mai đây sao?

Mắt Quý đọng một giọt nước mắt cảm-xúc. Hình-ảnh người bạn gái nhỏ lại trở về quấy-rối tâm-tư thắc-mắc của Quý.

Đã bao nhiêu tháng ngày qua, Quý đã cố quên Ánh-Mai trong việc làm, với cảnh lạ, quê người. Thỉnh-thoảng Quý nhớ Ánh-Mai nhưng cố để cho hình-bóng người bạn xưa lặng chìm theo giòng quá-khứ.

Rồi bao nhiêu việc đau-đớn đã xảy ra cùng một lúc: Phú, cha Quý, bị Tùy ám-hại ở Thạch-động. Mẹ Quý đối với sự xúc-động dữ-dội và quá đột-ngột đã bị bệnh đau tim vật ngã. Không đầy nửa tháng, Quý mất một lượt cả hai người thân-yêu nhứt đời. Quý không còn thiết gì đến công việc trong sở nữa. Quý ngầm rủ Danh-Sum làm một cuộc phiêu-lưu, theo dấu Tùy để rửa sạch một mối thù mà Quý thề sẽ ngậm oán cho đến phút cuối-cùng.

Sau khi cướp được bản-đồ bí-mật của Phú, Tùy không dám ở đất Lào nữa. Viên công-chức sở tạo-tác bỏ sở và trốn đi biệt-tích. Hình như anh ta đã mang “kho vàng” ra hải-ngoại.

Quý tiếp được những tin đồn ấy vẫn ngậm miệng làm thinh. Ngày ngày, Quý nhìn những rặng núi xa năm ngổn-ngang như những năm mộ khổng-lồ tự nghĩ thầm: “Loài người lẽ ra phải thương yêu nhau, tìm cách nâng- đỡ nhau để cùng đi đến một mực sống tuyệt-vời, cùng tạo một cảnh đời yên vui, thái-lạc. Cả đến những người thân yêu cùng một nòi-giống mà còn kiếm cách tiêu-diệt nhau thì còn trách ai nữa!”

Một hôm cùng dẫn Danh-Sum vào rừng, Quý đã có ý muốn không trở về nữa, nhưng Danh-Sum đã khuyên dứt bạn: “Đợi trong ít lâu xem sao. Bây giờ cậu bỏ đi thì tiếng-tấm của “ông Xếp” sẽ bị mai-một. Chí của cha là chí của cậu. Cậu nên ở lại. Chừng nào xong việc, tôi sẽ xin cùng cậu đi đến những chân trời mới lạ như ý cậu muốn”.

Nhưng sự thế đã xoay chiu...

Quân Nhật một ngày một bại trận. Trận đánh Okinawa đã kết-liệu. Nhiều cánh quân đã tự-ý hành-động trên khắp mặt biển cũng như trên bộ. Trên bộ thì quân Đồng-Minh đã làm chủ tình hình. Dưới biển thì hải-quân lục-chiến

Mỹ lần-lần nuốt mất những đảo chính ở Thái-bình-Dương và người Nhật đuổi thế đã lui về giữ thế thủ ở ngưỡng cửa nhà...

Bức thư bí-mật đến rất phải lúc. Chính Quý cũng định rủ Danh-Sum bỏ việc vì cậu đã dò biết tình ý của quân-đội Nhật rồi.

Quý bảo Danh-Sum:

- Mặt trời lặn hẳn rồi. Mà trong thư này “người ta” dặn mình phải đi gấp nội đêm nay. Mình phải làm sao đi cho gọn. Còn nấn-ná ở đây nguy lắm.

Danh-Sum hỏi:

- Còn mấy anh em trong sở?

Quý hồi:

- Đi bảo họ là vừa!

Quý và Danh-Sum ngậm ra cửa sau, xuống trại. Nhưng hình như quân Nhật đã đoán trước sự biến-động nên mở cuộc bao-vây lớn.

Quý và Danh-Sum không suy-nghĩ hơn, kém gì nữa, cứ nhắm hướng Bắc mà chạy đi. Sau lưng hai người lửa đỏ rực trời.

Quý nắm chặt tay Danh-Sum thở hỗn-hển:

- Tôi đã mất hết những người thân-yêu ở trên đời này! Anh là người bạn cuối cùng của tôi vậy. Chúng ta thề sẽ không bao giờ bỏ nhau. Anh Danh-Sum hứa một lời cho tôi tin đi!

Danh-Sum vốn là một gã con trai ít nói. Gã không biết phân-bua làm sao cho Quý hiểu lòng mình, nên chỉ nắm chặt tay bạn mà siết mạnh. Quý hiểu. Cậu đưa tay vuốt mặt. Mồ-hôi đổ ra cùng một lượt với những giọt nước mắt cảm-động.

Danh-Sum hỏi.

- Đi đâu?

Quý trả lời gấp:

- Trong thư dặn ta đi thẳng về hướng Bắc. Ta cứ nghe theo...

Danh-Sum kéo Quý chạy xuống một cái hố để cho hình-bóng của hai người chìm hẳn vào cõi tối-tăm vô-định.

Trong nguy-hiểm, Quý không quên những lời dặn ở cuối thư “*Thăng về hướng Bắc, cậu sẽ gặp những người thân mà cậu muốn gặp*”. Và hai chữ A.M. lại hiện rõ ra trước mắt cậu như bóng sao hôm đang mọc lóng-lánh ở trên đầu cậu.

Cậu lẩm-nhẩm một mình:

- Biết đâu!

Danh-Sum hỏi dồn:

- Biết đâu là biết đâu... làm sao?

Quý nhìn sao hôm cười, bảo Danh-Sum:

- *Ánh sáng của ngày mai* đã mọc rồi, kìa!

* * *

Từ sau cuộc dội bom của phi-đội Nhật và sau cái chết đau thương của người khách già ở Phou-ta-Cốc, đảng-trưởng Hoang-sơn thôn, khu giải-phóng nơi ấy đã thành một nơi hoang-phế. Bóng những trái núi lớn đổ ập xuống một vùng cây hoang, cỏ dại như một cường-quyền đang đè-ép một nước yếu.

Đêm-đêm, người ta không còn nghe tiếng hú lạnh-lãnh từ vách núi vang khắp mọi miền. Ánh đuốc cũng biến mất. Chỉ còn muôn, ức vì sao nhỏ li-ti, nhỏ giòng lệ sương khóc cảnh điêu-tàn, vong-phế.

Nhưng, cách đó ít lâu, quang-cảnh Hoang-sơn thôn lại trở nên náo nhiệt như những ngày oanh-liệt cũ. Những trang anh-hùng trẻ tuổi đã cầm súng chiến-đấu cho sự tự-do của dân nước, đi đâu một dạo giờ lại thấy trở lại, lần này, họ thề sẽ không bao giờ bỏ căn-cứ nữa.

* * *

Trong đám người này, có người mà họ thường gọi là “anh cả” để tỏ sự sùng, mến của họ.

Khi gặp người “anh cả” ở Hoang-sơn thôn, Quí và Danh-Sum kêu lên một tiếng kinh-ngạc. Thật là một giấc chiêm-bao mà khi tỉnh-mộng, người ta chưa hết ngỡ-ngác và tự hỏi mình đã tỉnh-giấc chưa, hay hãy còn say ngủ.

“Người anh cả” ấy là Phú.

Phải, người ấy là Phú, người cha yêu-mến của Quí, người mà Quí không còn mong-mỏi gì gặp lại nữa. Vậy mà bây giờ Phú đã hiện rõ ra trước mắt Quí. Một Phú bằng da, bằng thịt chứ không phải là một bóng hình trong mộng nữa.

Quí khóc mùi mẫn:

- Ba ơi! Con tưởng ba đã mất rồi. Không ngờ giữa giờ, phút hiểm có này, cha con chúng ta lại trùng-phùng. Ba ơi, từ sau khi vắng ba, quanh mình con đầy những cảnh “xây đàn, tan ghé”. Má mất vì buồn-rầu. Can-trường con cũng nát nhiều vì gia-biến. Chú Tù ời, chú ác quá!

Phú khuyen-dỗ con:

- Thôi, con hãy nín đi. Từ nay chúng ta hãy gác lại những tình-cảm ủy-mị, tâm-thường. Cố mà vượt qua sự sống chật-hẹp để theo đuổi chí lớn. Bao nhiêu dân nước đang ngóng về phía chúng ta. Sá gì một chút tình nhà nhỏ-mọn mà bỏ chánh-nghĩa?

Danh-Sum hỏi Phú:

- Nhưng làm sao, “ông Xếp” lại được toàn-mạng?

Phú chậm rãi trả lời:

- Điều ấy, chính tôi cũng không biết tại sao. Thật là mầu nhiệm. Khi tôi bị chú Tù xô ngã xuống hang, cả thân-hình tôi bị nước xoáy đi một vòng rồi đùa tôi ngoi lên mặt hồ. Tôi ngất đi trọn giờ đồng hồ mới tỉnh lại. Mặt tôi bị va vào vách đá, gãy mất xương gò má và sây-sát khắp chỗ. Tôi được những người lái ngựa, đang nghỉ chân trong rừng chữa cho tôi lành bệnh và đưa tôi về với đám anh em đây. Tôi đã nghĩ ngay tới vợ con, nhưng đã can-đảm đi theo việc lớn cho tròn sứ-mạng. Đến nay, chúng ta đã thành-công.

Chung-quanh chúng ta không biết bao nhiêu anh em chiến-sĩ sẵn-sàng hiến thân cho tổ-quốc...

Quý hỏi:

- Còn bản họa đồ của Tù mang đi hình như gói ghém một sự gì bí-mật lắm, phải không ba?

Phú cười:

- Bí-mật mà cũng không có gì bí mật hết. Trong bản-đồ ấy vẽ một ngôi mộ mang số 28 nằm trong nghĩa-địa Việt-Nam. Ông bạn già của chúng ta khi trút hơi thở cuối cùng đã trối lại bốn chữ: nghĩa-địa Việt-Nam. Trước mình cũng tưởng rằng ông bạn già ấy muốn được đưa hài-cốt về an-táng vào Việt-Nam nghĩa-địa. Sau, ba rõ ra thì đó là một hầm súng do ông bạn già chúng ta cần-cù mua lậu và dấu sẵn ở đó chờ ngày dựng cờ khởi-nghĩa. Ba đã dùng kho khí-giới ấy, chiêu-mộ một nhóm anh em đồng-chí võ-trang hùng-hậu... Chỉ tội-nghiệp cho chú Tù.

Mắt Phú thoáng một nét buồn xa xuôi:

- Chú Tù đã nghe lầm. Chú tưởng bức bản-đồ bí-mật kia là cái chìa khóa mở cửa một kho vàng nên mới quáng mắt và quáng lòng, cắt đứt một tình bạn thiêng-liêng. Thế mới biết sức mạnh của kim-ngân có thể thay đen thành trắng dễ như chơi. Bây giờ không biết chú Tù đang ở nơi nào. Có lẽ chú ấy đang sống những ngày tủi-cực và sám-hối vì hành-động mù-quáng của mình. Tội-nghiệp.

Quý cười:

- Đến cái người hại ba là chú Tù mà ba cũng sẵn lòng thương-hại thì con không biết lấy gì đong được cái lượng trời, biển trong lòng ba.

Phú tiếp:

- Cũng là một giống người với nhau cả. Cùng nếm mùi đau khổ như nhau: sanh, lão, bệnh, tử. Không biết tại sao loài người không thương-yêu nhau mà lại cấu-xé nhau mãi? Nhưng đó cũng là một cái định-luật thiên-nhiên mầu-nhiệm. Chúng ta nên nghĩ tới chúng ta trước đã...

Quý hỏi dồn:

- Ba nghĩ sao về chú Tù?

Phú dễ-dãi:

- Ba còn sống là mọi việc của Tù làm đều kể như không có.

Ngập-ngừng một lát, Quý vụt hỏi cha:

- À, con muốn biết vì sao lại có hai chữ A.M. ở cuối thư ba đã ngầm gửi cho con.

Phú phá ra cười lớn:

- A.M. là ẩn mặt viết tắt chớ có gì lạ đâu mà con phải nghĩ-ngợi!

Quý chớp mắt. Một sự tuyệt-vọng đến não-nùng đã đổ bóng tối trong lòng Quý.

Thấy Quý buồn, Phú khuyên dỗ:

- Con ơi! Đừng buồn nữa. Quả đất tròn thì thế nào con cũng được gặp lại người con muốn gặp. Chỉ có những trái núi là ngàn đời đứng nguyên một chỗ mà thôi.

* * *

Anh Quý,

Không biết thư này có được hân-hạnh đậu vào tay anh không. Nhưng em cũng viết. Viết cho anh, lòng em mới thấy bớt thắc-mắc.

Từ sau những biến-cố đã xảy ra trong nhà em, em đã thành một chiếc chim bạt-gió. Em lần đường về xứ Lào mong-mỏi được gặp anh, nhưng khi được về quê-hương xứ-sở thì em lại thay hẳn ý-kiến. Thôi, em cứ để yên cho anh mạnh tiến trên bước đường dài. Chí trai không nên để vương sợi tóc đàn bà. Chúng ta còn trẻ tuổi quá. Được sum-họp sớm, chúng ta sẽ hồng mắt.

* * *

Anh biết vì sao em lại có ý viết cho anh không?

Còn nhớ đêm ấy là một đêm mưa, gió có một người khách lạ lạc-lỡng tới vùng em đang ở cùng các anh em chiến-sĩ. Ông khách phương xa ấy, một ngày một kiệt-sức. Cho đến một buổi chiều kia đã trôi lại cho em nghe một chuyện lòng và đưa cho em một bức thư nhờ chuyển-giao tới tận tay anh. Bấy giờ em mới biết người ấy là chú Tù mà anh đã thường nhắc-nhở trong những bức thư trước.

Chú Tù mất sau đó, vài giờ. Em chờ an-táng chú Tù xong mới viết thư này cho anh, nhân thể nhắc một chút kỷ-niệm của những ngày xưa, cũ.

Khi được thư em, anh cứ yên lòng. Người em gái của Quý vẫn còn sống và sẽ còn sống mãi để phụng-sự cho chánh-nghĩa và chờ ngày được tái-ngộ với anh trong một ngày mai rực-rỡ.

Anh ơi!

Nơi anh ở là nơi nào?

Buổi chiều nào trước khi thả đèn, em cũng hướng mắt về phía bên kia sông Cửu-Long. Trước mắt em, dãy trường-sơn giăng-hàng thành một bức trường-thành. Em nghĩ: Quý của em đang ở dưới chân những quả núi ấy.

Còn em?

Em đang ở ngoài vòng biên-giới, dưới những rừng bằng lăng bốn mùa trở hoa tím ngắt. Nước xuôi như giòng đời em xuôi về những bến-bờ xa-lạ.

Anh Quý ơi! Cố-gắng vượt qua mọi trở-lực đã chặn bước tiến-thủ của một dân-tộc trẻ-trung đang đà tiến-mạnh, Quý nhé!

Em là một nữ cứu-thương. Em chỉ mong-mỏi có một điều: được tự tay em băng-bó và săn-sóc vết thương của anh trên giọc đường chiến-đấu. Em cũng sẵn-sàng xoa dịu vết thương lòng của anh nữa.

*Chào anh,
Ánh-Mai.*

* * *

Cháu Quý,

Chú muôn vắn đắc tội với cháu. Từ sau khi phạm tội ác, chú bỏ nhà, bỏ xứ ra đi như một con chó dại.

Thật là tủi-nhục cho thân chú. Tổ tiên chú sẽ trách-móc chú suốt một kiếp sống tàn. Tự tay chú đã xóa nát hạnh-phúc và tương-lai của cháu vì một bức họa-đồ kỳ-dị mà chú ngờ là cái chìa khóa sẽ giúp chú mở cửa một kho vàng.

Chú lầm!

Sự đau khổ về sự thất-bại thì ít mà sự đau khổ về sự hối-hận thì nhiều.

Khi cháu nhận được thư này, chú đã hóa ra người thiên cổ. Tưởng cháu rất sẵn lòng xóa bỏ mọi cừu-hận đã khiến cháu căm hận chú đến suốt-đời.

Cháu ơi! Nên nhớ rằng: chú đã khổ nhiều, chú chỉ mong được chết sớm để về tạ tội với cha cháu ở suối-vàng.

Gạt nước mắt biệt giã cháu đời-đời.

Tùy.

ĐOẠN KẾT

Một buổi sáng của những ngày đông mới-mẻ, một người đàn ông trông tuổi đã tiền đưa hai gã con trai trẻ tuổi xuống đò, qua sông Cửu-long.

Trước khi thuyền lìa bến nước, người đàn ông ấy còn dặn với theo mấy lời chót:

- Giàu sang không hôn-mê, võ-lực không khiếp phục, nhớ nhé! Ta ở bên này bờ sông xây hy-vọng dưới chân núi Trường-sơn, đợi các con mang huân-nghiệp trở về...

Thuyền rời bến...

Họ vẫy nhau từ-giã. Lòng người đi vương một ít lòng người ở lại.

Gã đàn ông trẻ tuổi vỗ vào vai bạn, nói lớn:

- Anh Sum ơi! Hoa bằng-lãng đã về với tiết đông lạnh-lẽo. Chúng ta lại có dịp đứng dưới gốc bằng-lãng chờ từng-cánh hoa trái lùa trên mặt cỏ xanh, anh nhỉ!

Trên bờ xa, bóng những mái nhà sàn chìm lặn vào cỏ, cây heo-hút. Nhưng từ sau cảnh nhà lụp-xụp ấy, những quả núi lớn đang vươn mình lên cao như ngạo-nghe với thời-gian mưa gió. Những trái núi ấy cũng đang đợi người đi mang sự đặc-thắng trở về để đêm-đêm lại đốt lửa nhen-nhúm một lời thề như những độ nào.

Không có gió nào thổi lốc nổi một trái núi cả. Ngàn năm sau, dãy tràng-sơn vẫn nguyên vẹn với lịch-sử và dân-tộc.

Chú thích

- [1] Theo tài liệu của bài diễn-văn " Sur la route coloniale N 13 " của Ô. Nguyễn-khắc-Nguyên, đọc tại Hà Nội ngày 23 Avril 1939.
- [2] Société Saigonnaise de Navigation et de Transports.
- [3] Tỉnh có 4.000 cù-lao.
- [4] Chute de l'éléphant blanc.
- [5] Thầy chùa.
- [6] Lang.
- [7] 1945.
- [8] Cái chăn hay váy
- [9] "Một giọt nước là một giọt máu", của Lê-văn-Trường.
- [10] Như hột cây ở rừng Việt Nam.
- [11] Vân-Nam.
- [12] Ngan-yang-Wang.
- [13] Bạn thân (thổ-âm Khmer)
- [14] côm nếp nấu ống lồ-ô (thổ âm Lào)

Table of Contents

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

ĐOẠN KẾT